



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 06.2019/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Báo cáo thường niên 2018)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2019

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: [info@hungchau.vn](mailto:info@hungchau.vn)
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm tài chính 2018.**
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: [www.agri.hungchau.vn](http://www.agri.hungchau.vn)

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm tài chính 2018.

**Người thực hiện CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TRẦN THANH HƯƠNG**



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

2018



# MỤC LỤC

12

## Thông tin chung

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

38

## Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu vốn cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

86

## Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

98

## Đánh giá của Hội đồng quản trị

Về các mặt hoạt động của Công ty  
Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

104

## Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

116

## Báo cáo tài chính

Ý kiến của kiểm toán  
Báo cáo tài chính đã kiểm toán



## • Tâm nhìn

“Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự”.



## • Sứ mệnh

“Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng”.



## • Giá trị cốt lõi

“Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai: Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tin nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài”.





## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH



Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Nhân viên!

Với sự ủng hộ và tin tưởng của Quý vị cùng những đóng góp đầy nỗ lực của toàn bộ công nhân viên, trong năm 2018, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu như: tổng doanh thu đạt 101% so với kế hoạch đề ra và tăng 14% so với năm 2017, v.v... Bên cạnh đó, Công ty còn đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam Chất lượng cao – Chuẩn Hội nhập là tiêu chuẩn mới, thiết thực của ngành thực phẩm, đòi hỏi doanh nghiệp được xét duyệt có một sự cam kết và nỗ lực bền bỉ đối với chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường nhằm đạt được tiêu chuẩn hội nhập mang tầm Quốc tế.

Trong năm tài chính 2018, tình hình giá nguyên vật liệu có nhiều biến động như: giá nguyên liệu cá tra tăng khoảng 50%, nhóm nguyên liệu mực, tôm, ghẹ tăng khoảng từ 20% - 38%, v.v... so với kế hoạch dự kiến đã đề ra trước đó. Thêm vào đó, tình hình xuất khẩu của Công ty gặp khó khăn khi phải đối mặt với các chính sách bảo hộ thương mại và rào cản kỹ thuật như: thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh, thẻ vàng EC, v.v... Do vậy, để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động xây dựng và điều chỉnh chiến lược kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường nội địa, tập trung nghiên cứu và nâng cao sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành thông qua việc giảm giá sản phẩm nhưng chất lượng không đổi.

Trong năm 2019, Công ty sẽ xây dựng bộ định mức kiểm soát nguyên liệu, sản xuất, chế biến, tiến hành kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất khẩu, tỷ lệ sản phẩm bị lỗi... Đồng thời Công ty cũng chủ động tham gia vào chuỗi xây dựng giá trị gia tăng của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy chế biến thức ăn và con giống). Từ đó, Công ty có thể tiếp tục duy trì, phát triển chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thêm thị phần trong và ngoài nước nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng trong những năm tiếp theo.

Thay mặt cho toàn thể Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác, Nhà đầu tư, Cơ quan quản lý hữu quan cùng với sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong suốt thời gian qua. Tôi hi vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ nhiều hơn nữa của toàn thể Quý vị trong thời gian tới. Tôi xin cam kết sẽ nỗ lực vì sự phát triển Công ty cũng như lợi ích chung của Quý cổ đông, Người lao động, Khách hàng và Xã hội.

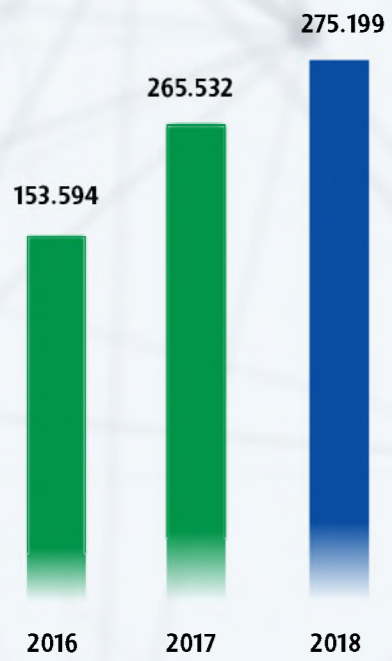
Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thay mặt HĐQT

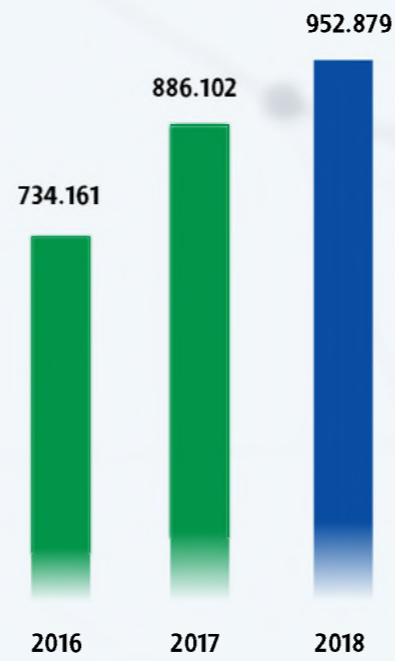
CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN VĂN HẬU

Vốn chủ sở hữu (Đvt: Triệu đồng)

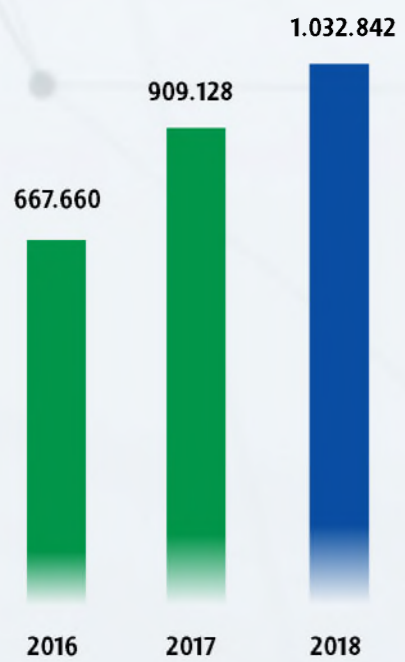


Tổng tài sản (Đvt: Triệu đồng)

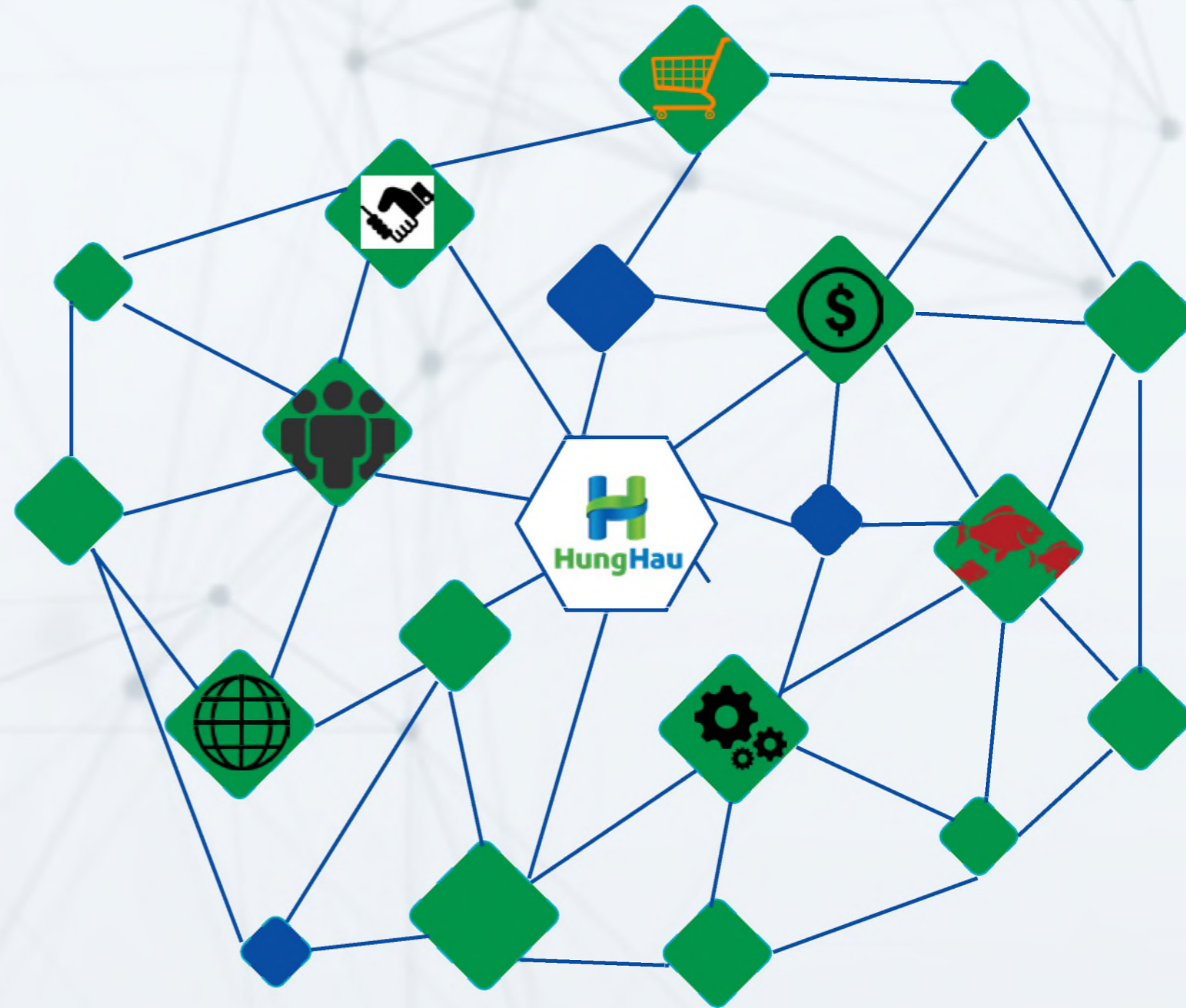



# HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO - CHUẨN HỘI NHẬP

Doanh thu thuần (Đvt: Triệu đồng)



Lợi nhuận sau thuế (Đvt: Triệu đồng)





**“Đi đầu trong việc  
phát triển ngành  
nông nghiệp  
sạch”**

# THÔNG TIN CHUNG

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Bộ máy quản lý**

**Định hướng phát triển**

**Các rủi ro**







CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Hung Hau Agricultural Corporation

Vốn điều lệ 199.070.530.000 đồng

1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM

Điện thoại - (028) 3974 1135 - 3974 1136

Fax - 028) 3974 1280



Website - [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)

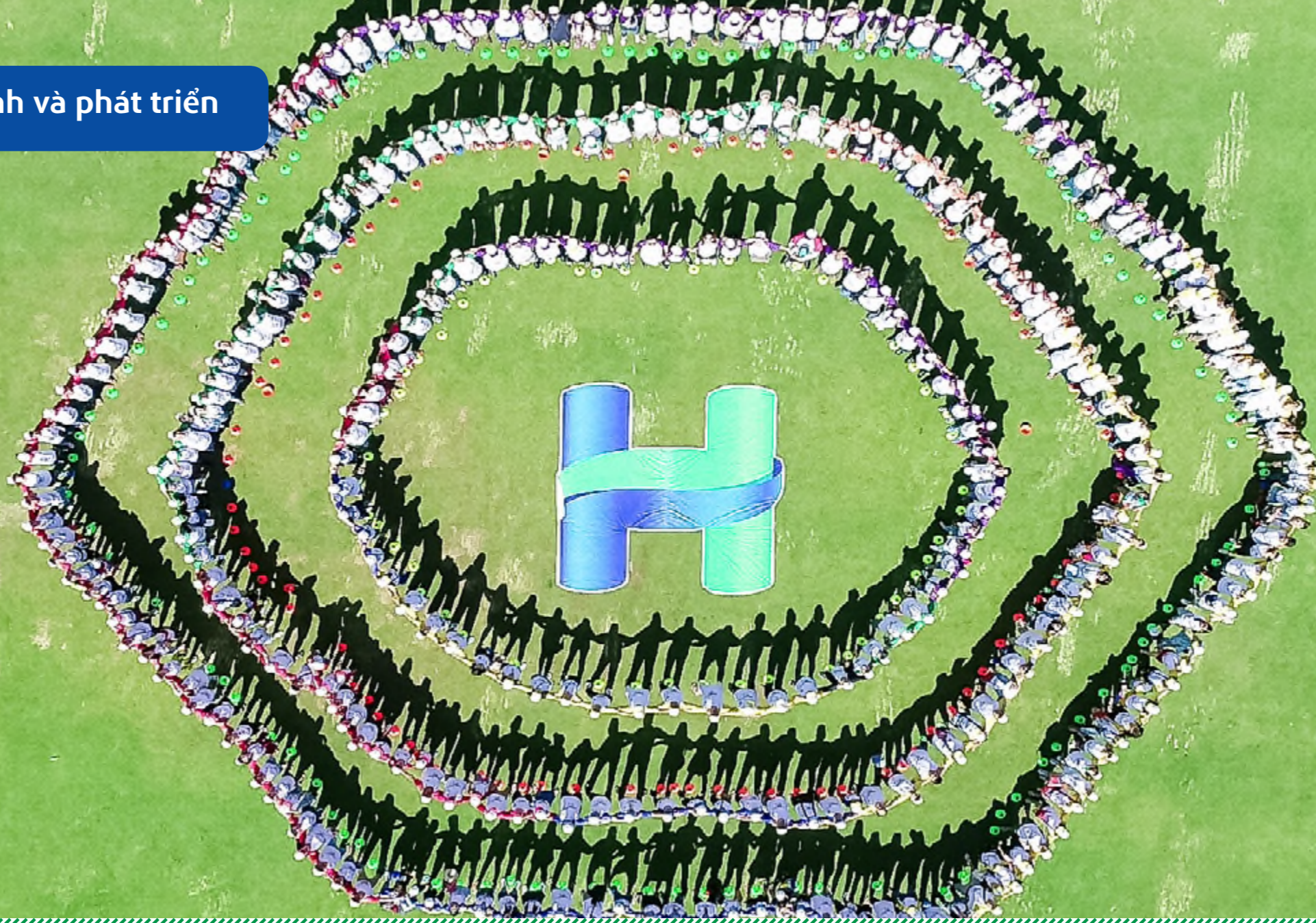
Mã chứng khoán - SJ1

Sở giao dịch - HNX



Số 0302047389 cấp lần đầu vào ngày 10/07/2000, và thay đổi lần thứ 20 vào ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh





1988 - 2000

**1988:** Công ty được thành lập với tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay Factory No.1.  
**2000:** Xí nghiệp Mặt Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi tên thành CTCP Thủy Sản số 1. Vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

2006 - 2009

**2006:** Chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1. Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của SJ1.  
**2007:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng. Đây là lần đầu tiên Công ty tăng vốn điều lệ và đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp Công ty phát triển bền vững hơn.  
**2009:** Chuyển niêm yết sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định Nhà nước.

2012 - 2014

**2012:** Tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng bằng việc chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu.  
**2014:** Tăng vốn điều lệ lên 55.832.000.000 đồng bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2015

**2015:**  
\* **01/06/2015:** Đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.  
\* **28/08/2015:** Đổi tên miền website Công ty từ [www.seajoco.vn](http://www.seajoco.vn) sang [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn).  
Tăng vốn điều lệ lên 77.451.840.000 đồng thông qua 3 đợt phát hành. Đợt 1 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt 2 và 3 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và theo chương trình phát hành cho người lao động.

2016 - 2017

**2016:** Tăng vốn điều lệ lên 104.553.710.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và theo chương trình phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.  
**2017:** Tăng vốn điều lệ lên 187.805.970.000 đồng bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và trả cổ tức bằng cổ phiếu.

2018

**2018:** Tăng vốn điều lệ lên 199.070.530.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và trả cổ tức năm 2017.

- \* **Chứng nhận DL01:** Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU
- \* **Chứng nhận ISO 9001:1998:** Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998.
- \* **Chứng nhận ISO 9001:2000:** Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000.
- \* **Chứng nhận ISO 22000:2005:** Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005.
- \* **Chứng nhận HALAL:** Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.
- \* **Chứng nhận BRC:** Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc).
- \* **Chứng nhận HACCP:** Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn.
- \* **Năm 1992:** Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.
- \* **Năm 1998:** Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.
- \* **Năm 2002 – 2008:** Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước – Đảm việc nhà”.
- \* **Năm 2004; 2005; 2007:** Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.
- \* **Năm 2006:** Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động” 10 năm (1996 – 2006).



- \* **Năm 2003 – 2012:** Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.
- \* **Năm 2013:** Nhận bằng khen của Tổng LĐLĐVN cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi & xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.
- \* **Năm 2014:** Nhận bằng khen của Ban CHCĐNN & PTNT Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao & Cơ Tổng LĐLĐVN cho tập thể.
- \* **Năm 2015:** Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015.  
Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty
- \* **Năm 2016:** Ngày 29/7/2016 Công ty được vinh danh tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức, với thành tích đạt được TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016.  
**Ngày 05/9/2016 Công ty được nhận giải:** “AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards” của Asean Business Advisory Council.
- \* Năm 2017: Công ty được vinh danh trong Bảng xếp hạng VNR 500 – 500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam 2017.
- \* Năm 2018: Công ty được vinh danh trong TOP 500 Doanh Nghiệp Việt Nam Thịnh Vượng BP 500-2018

Ngày 01/12/2018, chứng nhận “Hàng Việt Nam chất lượng cao - Chuẩn hội nhập” đã được trao đến Nông nghiệp Hùng Hậu, đây là chứng nhận có uy tín cao, đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

- Là sản phẩm có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố. Có kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý chất lượng.
- Sản phẩm có giá trị sử dụng phổ biến, có ích lợi cho tiêu dùng, chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu của doanh nghiệp. Có tốc độ phát triển và chiếm lĩnh thị trường.
- Sản phẩm được đăng ký bản quyền về mẫu mã, kiểu dáng, bao bì. Giá trị sử dụng phù hợp với giá trị văn hóa tiêu dùng, tuân phong mỹ tục Việt Nam.
- Có áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sáng tạo và đổi mới trong công nghệ chế tạo sản phẩm. Giá thành sản phẩm hợp lý được người tiêu dùng chấp thuận.



## Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;  
Đào tạo đại học và sau đại học;



Chế biến và bảo quản rau quả;  
Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;



Lắp đặt hệ thống điện;  
Xây dựng nhà các loại;



Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;



Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính.



Nuôi trồng thủy sản nội địa  
Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  
Bán buôn thực phẩm  
Bán buôn tổng hợp



Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

## Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, sản phẩm của Hùng Hậu đang được phân phối cả thị trường trong và ngoài nước. Đối với thị trường nước ngoài, Công ty đã đưa sản phẩm ra một số nước ở Châu Âu, Châu Á, Mỹ, v.v...

[www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)





**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN KIỂM SOÁT**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phòng  
Phát triển  
Kinh doanh

Phòng  
Cung ứng

Phòng  
Quản lý  
Sản xuất

Phòng  
Tài chính  
Kế toán

Phòng  
Hành chính -  
Nhân sự

**BAN GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**

Bộ phận  
Kỹ thuật

Bộ phận  
Chất lượng

Bộ phận  
Văn phòng

Bộ phận  
Kho vận

Bộ phận  
Sản xuất

## Công ty con



### Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu

Địa chỉ: Số 45, Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện

Lai Vung, Đồng Tháp

Ngành nghề: Chế biến và bảo quản rau quả,...

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp dự kiến: 10% vốn điều lệ



### Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu

Địa chỉ: Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy

Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Số điện thoại: 0277 3762 225

Ngành nghề: Chế biến, bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản...

Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp dự kiến: 65% vốn điều lệ

## Công ty liên kết

### Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu

Địa chỉ: Lô C3-1, Đường D2 và Đường N7, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân

Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. HCM

Số điện thoại: 028 3860 4999

Số Fax: : 028 3860 2666

Website: info@hunghau.vn

Ngành nghề: Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự,...

Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp dự kiến: 17% vốn điều lệ

### Công ty TNHH Nha Môn

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn





Chiến lược phát triển của Công ty là dựa trên những giá trị nền tảng và cơ bản để từ đó làm bệ phóng nâng lên tầm thế giới. Công ty luôn chú trọng công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường.

### Sản phẩm kinh doanh, nội địa

Nhằm định hướng phát triển bền vững, Công ty đã không ngừng nghiên cứu mở rộng quy mô, thị trường tiêu thụ của sản phẩm Hùng Hậu. Đồng thời, xây dựng đội ngũ phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm cung ứng cho thị trường cả trong và ngoài nước. Từ đó, để ra mục tiêu tăng trưởng doanh thu cho thị trường nội địa trong 5 năm sẽ chiếm

# "50%"

**tổng doanh thu hằng năm.**

Mặt khác, Công ty còn đẩy mạnh việc tiếp thị, tăng giá trị sản phẩm ở thị trường tiêu thụ trong nước qua chuỗi hệ thống nhà hàng và hệ thống khách sạn cao cấp.

### Sản phẩm kinh doanh, nhập khẩu

Nắm bắt kịp thời xu hướng tiêu dùng thủy sản của thế giới đang thay đổi cả về nguồn gốc, chủng loại và đặc tính sản phẩm, do đó, đòi hỏi ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản của Việt Nam có sự chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa cả về sản phẩm bên trong và mẫu mã bên ngoài cũng như đẩy mạnh chiến lược tiếp thị hiệu quả ở thị trường thế giới. Để không ngừng phát triển ra thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp nội địa nói chung, trong đó có Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đã đẩy mạnh việc mở rộng thêm quy mô, đầu tư nâng cấp hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế, từng bước đưa thêm các dự án mới vào hoạt động nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của ngành trong hiện tại và thời gian sắp tới. Ngoài ra, Công ty định hướng tập trung vào gia tăng tỷ trọng, đa dạng hóa sản phẩm đã qua khâu chế biến thủy sản, đồng thời khâu đóng gói cũng được Công ty cải thiện về mặt thời gian và mẫu mã bao bì ở phân khúc tiêu thụ trực tiếp tại chuỗi các nhà hàng, siêu thị nước ngoài. Thêm vào đó, hệ thống kiểm định chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng quốc gia cũng được Công ty cập nhật liên tục và ngày càng hoàn thiện.

## Hoạt động kinh doanh

Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường thế giới thông qua mạng lưới internet. Chủ động cũng như có kế hoạch rõ ràng trong việc khảo sát, tìm hiểu thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng, thị trường mới trong và ngoài nước. Đồng thời, Công ty định hướng mở rộng thị trường truyền thống, tăng trưởng sản lượng tiêu thụ qua chuỗi siêu thị lớn ở nội địa.

Mặt khác, nhằm đáp ứng nhu cầu và điều kiện ngày càng cao của thị trường nước ngoài, Công ty tiếp tục tìm kiếm, thu mua nguồn nguyên, phụ liệu trong và ngoài nước có chất lượng nhằm kiểm soát tốt các tiêu chuẩn chế biến thủy sản xuất khẩu.

## Tài chính

Cùng với việc mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển, Công ty cân huy động vốn trên thị trường bằng việc phát hành thêm cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Duy trì sự ổn định và bền vững tình hình tài chính ở hiện tại và trong thời gian sắp tới.

## Tiếp thị

Luôn giữ vững thương hiệu và tạo dựng vị thế của Công ty với các công ty trong ngành chế biến thủy hải sản nói chung và thị trường tiêu thụ nói riêng với những sản phẩm đặc trưng cùng sản phẩm mới. Gia tăng thương mại, tìm kiếm các thị trường tiềm năng với những đối tác mới, duy trì sự tín nhiệm với các khách hàng truyền thống ở các thị trường Nhật, EU.

Giữ vững thương hiệu và uy tín đối với khách hàng bằng việc đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và chất lượng sản phẩm ổn định.

## Nhân sự

Thúc đẩy sự sáng tạo, gia tăng khả năng làm việc của người lao động bằng chính sách chế độ đãi ngộ, lương thưởng hợp lý.

Thành lập bộ máy quản trị và điều hành Công ty tinh gọn hiệu quả, tiết kiệm chi phí quản lý nhưng vẫn duy trì nhu cầu hoạt động cần thiết của Công ty, quy chuẩn hóa các chức danh để bố trí nhân lực phù hợp. Tổ chức các cuộc thi nâng bậc thường niên để điều chỉnh và sắp xếp bậc lương phù hợp. Đào tạo, huấn luyện giúp công nhân nâng cao tay nghề, năng suất làm việc. Thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động bên ngoài, thi đua phong trào trong sản xuất nhằm giảm bớt áp lực công việc giúp người lao động tăng sự đoàn kết, khả năng sáng tạo, nâng cao năng suất làm việc và tiết kiệm trong sản xuất nhằm thúc đẩy thêm hiệu quả kinh doanh của Công ty và thu nhập người lao động.

## Xã hội và cộng đồng

Với nhận thức phải luôn có trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, bên cạnh các định hướng về phát triển trong kinh doanh, Công ty đã chú trọng các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng như thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở, v.v.... Ngoài ra, Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia các hoạt động thiện nguyện như tổ chức vui trung thu, chương trình Ấm áp mùa Giáng sinh cho trẻ em tại các mái ấm tình thương như tổ chức vui trung thu cho trẻ em tại các xã Tân Phú Trung & Lốp học tình thương tại Đình Phú Định - Quận 6.

Ngoài ra, Công ty còn tích cực vận động quyên góp toàn Công ty ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt.

## Các mục tiêu trung và dài hạn

Tập trung từng bước xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các vùng nuôi trồng công nghiệp áp dụng công nghệ cao để vừa đảm bảo về chất lượng và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào.

Chủ động tham gia vào chuỗi, xây dựng giá trị gia tăng trên từng khâu của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy chế biến thức ăn, con giống...).

Quy hoạch sản xuất tập trung nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng các sản phẩm chủ lực.

Nghiên cứu, phân tích, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tăng hiệu quả hoạt động. Tìm kiếm cơ hội để đầu tư, xây dựng nhà máy mới tại vùng có lợi thế về nguyên liệu, lao động và chính sách.

Tìm kiếm, mở rộng cơ hội liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất, khai thác phát triển mở rộng thị trường.





## Rủi ro kinh tế:

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, hoạt động đầu tư tăng trưởng, thị trường tiêu thụ sôi động đã giúp nền kinh tế chung phát triển. Song song với đó, trong năm 2018 chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Tình trạng bất ổn chính trị ở một số nước là một trong những nguyên nhân gây tác động đáng kể lên toàn nền kinh tế, do đó, năm 2018 tuy được đánh giá có nhiều triển vọng nhưng cũng tiềm ẩn không ít rủi ro.

Theo Tổng cục thống kê, tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung, trong đó, ngành thủy sản đạt kết quả khá tốt với mức tăng 6,37%, cũng là mức tăng trưởng cao nhất 8 năm qua. Nguyên nhân là do đẩy mạnh việc tái cơ cấu ngành theo xu hướng hiện đại, mặt khác giá bán sản phẩm ổn định cùng với thị trường xuất khẩu được mở rộng là động lực tích cực giúp tăng trưởng trong năm qua. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả tích cực thì một số ngành nghề nước ta cũng đang phải đối mặt với những khó khăn như mức thuế chống bán phá giá (cụ thể hiện nay ngành thủy sản đặc biệt là cá tra, ngành thép đang bị thị trường Mỹ áp thuế lần lượt khoảng 4,58%; 7,7%), chiến tranh thương mại, biến đổi khí hậu, v.v.... đã ảnh hưởng đáng kể cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu nói riêng. Để hạn chế những tác động trên của thị trường trong thời gian qua và sắp tới, Công ty đã luôn chủ động theo dõi tình hình, từ đó, phân tích, đánh giá và điều chỉnh phương thức hoạt động của Công ty để phù hợp với từng thời kỳ.

## Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm gần đây, các đối thủ cạnh tranh trực tiếp như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, v.v... ngày càng gia tăng các sức ép cạnh tranh nhiều hơn qua những chương trình dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trên cả quy mô về sản lượng, chất lượng, giá thành sản xuất, chiến dịch marketing và xúc tiến thương mại. Đặc biệt, trong thời gian gần đây Trung Quốc đang ứng dụng các công nghệ mới vào nuôi cá tra hiện đại tạo áp lực cạnh tranh rất lớn lên ngành thủy sản Việt Nam. Do vậy, năm qua kế hoạch xuất khẩu thủy sản của nước ta bị ảnh hưởng khá rõ nét, cụ thể theo số liệu của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) tính đến hết quý 3/2018, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước mới chỉ đạt 6,42 tỷ USD, tương ứng 64,2% so với mục tiêu đặt ra là 10 tỷ USD. Hoạt động kinh doanh của ngành thủy sản nói chung và các doanh nghiệp trong ngành thủy sản nói riêng trong năm qua đang bị ảnh hưởng khá lớn, trong đó có Công ty cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu. Nhằm nâng cao sức mạnh cạnh tranh, Công ty đã tích cực nghiên cứu và ứng dụng một số công nghệ hiện đại vào trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng cũng như tăng sản lượng cung ứng cho thị trường trong và ngoài nước trong thời gian sắp tới.



## Rủi ro luật pháp

Theo khảo sát của Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), những năm gần đây, khoảng 10% sản phẩm thủy sản Việt Nam bị từ chối ở thị trường Châu Âu; 30% sản phẩm thủy sản bị từ chối nhập khẩu vào Nhật Bản. Có thể thấy, nhiều thị trường “khó tính” nay càng khó tính hơn đối với sản phẩm cá tra Việt Nam. Nguyên nhân chính là do những thông tin sai lệch, phản ánh không đúng sự thật về cá tra tại các nước thuộc thị trường châu Âu. Thực tế, sản phẩm cũng còn đơn điệu chưa tác động đến thị hiếu tiêu dùng của người châu Âu. Thêm nữa, lại phải đối mặt với các đạo luật như Luật Nông trại (Farm Bill), các đợt kiểm tra của Luật hiện đại hóa an toàn thực phẩm Mỹ (FSMA) đang gây ra rào cản thương mại đối với cá tra Việt Nam. Để đảm bảo các sản phẩm đầu ra của Công ty luôn được tiêu thụ ổn định tại các thị trường khó tính, công tác quản lý chất lượng đầu ra luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn mà từng thị trường đề ra.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật nước ta đang có nhiều thay đổi để đáp ứng kịp thời những biến động của thị trường quốc tế. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến một số chính sách cũng như kế hoạch hoạt động của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng. Nhằm hạn chế tác động Công ty đã chủ động cập nhật những văn bản pháp luật mới, đồng thời, thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy định hoạt động kịp thời để phù hợp với tình hình của Công ty.



## Rủi ro xuất khẩu

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) nhận định thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của nước ta là Mỹ và một số quốc gia khác như khu vực EU, Nhật, Úc, v.v.... Tuy nhiên đây cũng là những quốc gia có nhiều thách thức nhất về rào cản thương mại, trình độ kỹ thuật sản xuất và chế biến thủy sản đối với nước ta. Cụ thể, Mỹ áp mức thuế chống bán phá giá cao, đồng thời, đề ra các tiêu chuẩn về kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm cũng ngày càng cao đối với một số sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam vào nước này như chương trình thanh tra cá da trơn khiến xuất khẩu cá tra sang thị trường này bị thu hẹp trong năm qua. Ngoài ra, việc EU chưa gỡ bỏ thê vàng đối với thủy sản của Việt Nam cũng đã tác động nhất định đến điều kiện xuất khẩu của lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản của nước ta, từ đó, làm gia tăng áp lực cho hoạt động xuất khẩu các sản phẩm như cá tra, tôm, v.v... của các doanh nghiệp trong nước ra thị trường thế giới. Do vậy, để đảm bảo được khả năng xâm nhập ra các thị trường nước ngoài, Công ty đã tập trung giám sát, kiểm soát chặt chẽ khâu đầu vào, cũng như áp dụng nghiêm ngặt quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn mà từng thị trường quy định quy định đề ra.



## Rủi ro khác

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, nước ta là quốc gia đứng thứ 27 trong nhóm 33 quốc gia trên thế giới có nền kinh tế bị tổn thương cao nhất, trước tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. Cụ thể, trong thời gian gần đây khu vực đồng bằng Sông Hồng, các tỉnh duyên hải Miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long đang bị đe dọa bởi tình trạng bão, lũ lụt, hạn hán, v.v.... và đang ngày càng diễn biến phức tạp. Điều này đã làm ảnh hưởng đến doanh thu, xuất khẩu, lượng cung thủy sản cho thị trường trong và ngoài nước của các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu. Để thích ứng với tình trạng này và xây dựng định hướng phát triển bền vững, Công ty đã chủ động tìm kiếm và ký kết hợp đồng hợp tác lâu dài với những đối tác có uy tín cao về mặt chất lượng, duy trì được nguồn nguyên liệu nhằm đảm bảo được tình hình hoạt động ở các nhà máy của Công ty trong hiện tại và tương lai.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu vốn cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	TH Năm 2017	TH Năm 2018	% tăng giảm TH 2018/2017
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	909.128	1.032.842	13,61%
2. Giá vốn hàng bán	828.267	939.471	13,43%
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.861	93.371	15,47%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.640	12.336	(9,56%)
5. Chi phí tài chính	38.870	39.447	1,48%
6. Chi phí bán hàng	19.435	16.745	(13,84%)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.487	19.832	36,90%
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.709	29.683	36,73%
9. Lợi nhuận khác	3.876	488	(87,41%)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.585	30.171	17,92%
11. Thuế TNDN	4.747	5.691	19,89%
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.838	24.480	17,48%



Tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam giai đoạn cuối năm 2017 và đầu năm 2018 gặp nhiều trở ngại làm ảnh hưởng đến mục tiêu đặt ra trước đó của ngành này. Cụ thể, ngày 23/10/2017, EU chính thức đưa ra cảnh báo thẻ vàng IUU (illegal, unreported and unregulated fishing) đối với Việt Nam, như vậy các lô hải sản của Việt Nam sẽ bị giữ lại kiểm tra 100% với khoảng thời gian từ 3-4 tuần mỗi container. Ngoài chi phí kiểm tra nguồn gốc xuất xứ đánh bắt vào khoảng 500 Bảng Anh/ container, doanh nghiệp còn phải chịu nhiều lệ phí khác cũng như ảnh hưởng đến uy tín với phía khách hàng do chậm giao sản phẩm. Còn tại thị trường Mỹ, vốn là một trong những thị trường nhập khẩu thủy sản lớn của Việt Nam, trong giai đoạn vừa qua, việc áp thuế chống bán phá giá cao đã khiến giá trị xuất khẩu vào thị trường này giảm mạnh. Ngoài ra, do nguồn cung dồi dào từ năm 2017 đã khiến lượng hàng tồn kho của các thị trường tiêu thụ thủy sản chính còn dư khá nhiều cộng thêm các yếu tố rào cản thương mại như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Năm 2018, với những khó khăn và thách thức từ nguyên liệu đầu vào cũng như thị trường xuất khẩu, Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã áp dụng các chính sách hoạt động phù hợp với tình hình thị trường để mang lại kết quả tốt nhất. Cụ thể, tổng doanh thu trong năm tài chính 2018 đạt 1.032 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước, đạt 101% kế hoạch đặt ra đầu năm. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 86% kế hoạch năm. Như vậy trong năm tài chính 2018, chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty chưa đạt so với kế hoạch, nguyên nhân là do chi phí giá nguyên vật liệu tăng cao, cụ thể, giá nguyên liệu cá tra theo kế hoạch xây dựng là 23.000 đồng/kg, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện giá nguyên liệu này tăng khoảng 57% so với kế hoạch ban đầu, khoảng 36.000 đồng/kg. Bên cạnh đó, giá nhóm nguyên liệu bạch tuộc tăng khoảng 30%; nhóm nguyên liệu tôm tăng 20%, nhóm nguyên liệu gẹ tăng 28%. Nhóm các nguyên vật liệu đầu vào này tăng là do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc nuôi trồng thủy sản trên cả nước đặc biệt tại các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long. Cụ thể, độ mặn ở các khu nuôi dao động từ 1,1‰ đến hơn 4‰, điều này làm giảm sức đề kháng và tỷ lệ sinh trưởng của tôm, cá tra, v.v...do vậy trong năm đã có những đợt cá tra, tôm tăng giá mạnh trong khi nguồn cung ngày càng trở nên khan hiếm gây áp lực lên các nhà máy chế biến xuất khẩu trong nước

Ngoài ra, nhóm nguyên liệu rau củ tăng 25%, nhóm bao bì, cước tàu tăng khoảng 10%; nhóm điện nước tăng 6%-8%; nhóm nhân công sản xuất tăng thêm 10% đã làm gia tăng đáng kể chi phí hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2018. Để nâng cao chất lượng dịch vụ, trong năm tài chính 2018, Công ty đã thực hiện nâng cao tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời, đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ để giúp hoạt động của Công ty được liên tục và ổn định.

Đối với tình hình trong nước, bên cạnh những hạn chế ở đầu ra thì ngành thủy sản nước ta đang còn phải đối mặt với những khó khăn ở đầu vào, bởi chất lượng thủy sản nuôi trồng ở ngoài vùng quy hoạch chưa được kiểm soát chặt chẽ, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hàng hóa xuất khẩu. Đứng trước những thách thức, khó khăn còn tồn đọng, Chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ kịp thời nhằm tạo điều kiện cho ngành thủy sản tăng trưởng khả về sản lượng, cũng như nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản chế biến. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) sau khi sụt giảm liên tục từ đầu quý 2/2018, xuất khẩu thủy sản từ tháng 8 hồi phục nhẹ với mức tăng 2,5% và kết quả tháng 9 tiếp tục khả quan với mức tăng gần 8% đạt 847 triệu USD. Tổng xuất khẩu thủy sản của cả nước tính đến hết quý III/2018 đạt 6,42 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, đối với việc xuất khẩu tôm, tính đến hết tháng 9/2018, tổng giá trị xuất khẩu đạt trên 2,7 tỷ USD, giảm 3 % so với cùng kỳ năm 2017, tổng giá trị xuất khẩu cá tra đạt 1,6 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ, trong khi tổng giá trị xuất khẩu của mực, bạch tuộc đạt 476 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2017, v.v...



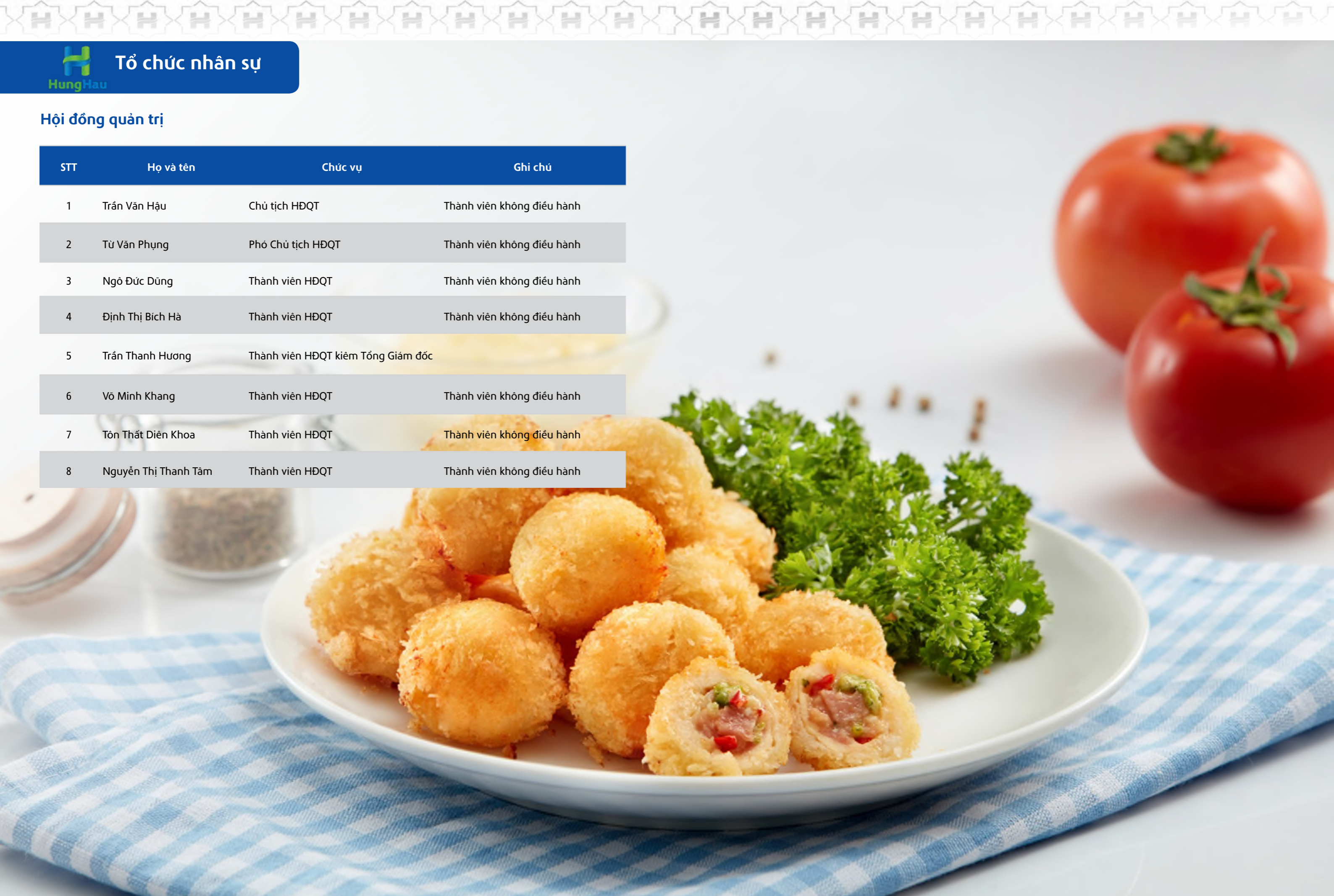
**HÙNG HẬU VÌ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG**





**Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Từ Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Định Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
6	Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
7	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
8	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành



## Ông Trần Văn Hậu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 18/08/1981

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2004 – 2005: Làm việc tại Công ty Sản xuất Thương Mại Toàn Phát.
- \* Từ 2005 – 2006: Giám đốc Công ty Cổ phần Tô Châu.
- \* Từ 2006 – 12/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cả.
- \* Từ 2010 – 7/2011: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản số 1.
- \* Từ 04/2010 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 07/2011 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- \* Từ 11/2012 – Nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Văn Hiến.

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 49.664 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,25 % vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: 6.491.306 cổ phần (chiếm 32,61% vốn điều lệ).



## Ông Từ Thanh Phụng – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 01/05/1975

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính – Kế toán

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
- \* Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- \* Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- \* Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- \* Từ 6/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- \* Từ 26/09/2017 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 44.646 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,22% vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Ngô Đức Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 25/12/1960

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư chuyên ngành Điện công nghiệp

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 1994 – 07/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật điện Xi nghiệp Mặt hàng mới thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
- \* Từ 07/2000 – 01/2008: Phó Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 04/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.
- \* Từ 01/2008 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 05/2010 – 04/2015: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.
- \* Từ 09/2011 – 03/10/2013: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.
- \* Từ 11/2013 – 08/2014: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 08/2014 – 05/2016: Cố vấn Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.
- \* Từ 04/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1)

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 302.841 Cổ phần phổ thông (chiếm 1,52 % vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: 1.989.739 cổ phần (chiếm 9,99% vốn điều lệ).



## Bà Đinh Thị Bích Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 01/12/1986

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu.
- \* Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua hàng Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim.
- \* Từ 04/2012 – 6/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 04/2013 – 01/2014: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 01/2014 – 21/07/2017: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 06/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1)

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 438.432 Cổ phần phổ thông (chiếm 2,20% vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Trần Thanh Hương – TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 27/09/1972

**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

### Quá trình công tác:

- \* Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.
- \* Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.
- \* Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bitá's).
- \* Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.
- \* Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.
- \* Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).
- \* Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.
- \* Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HC-NS Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.
- \* Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 08/2016 – 05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- \* Từ 03/2017 – 05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- \* Từ 05/2017 – 10/2017: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 02/10/2017 – Nay: Tổng Giám đốc Thường trực CT CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1)

### Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Võ Minh Khang – Thành viên Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 02/10/1976

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân chuyên ngành Công nghệ chế biến thủy sản

### Quá trình công tác:

- \* Từ 1999 – 2001: Nhân viên KCS Công ty Thuốc lá Bến Thành.
- \* Từ 2001 – 2003: Nhân viên KCS Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 2004 – 2010: Quản đốc Phân xưởng 2 Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 2010 – 2011: Phó Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 2012 – 2013: Trưởng Ban điều hành Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 2013 – 2014: Giám đốc Quản lý Sản xuất Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 2013 – 2014: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.
- \* Từ 2014 – 2015: Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 2015 – 2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu.
- \* Từ 09/2016 – 03/05/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 31/12/2016 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1)

### Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:

- \* Sở hữu cá nhân: 3.633 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,02% vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Tôn Thất Diên Khoa – Thành viên Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 07/06/1974

**Trình độ chuyên môn:** Thạc Sĩ tài chính ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- \* Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- \* Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- \* Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- \* Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- \* Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.
- \* Từ 05/2010 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 04/2018 - nay: TV HĐQT Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương
- \* Từ 04/2018 - nay: TV BKS Tổng công ty CP Bảo hiểm Bào Long

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Thành viên Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 07/10/1980

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2003 – 2004: Làm việc tại Báo Vietnamnet.
- \* Từ 2004 – 2008: Phó phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang.
- \* Từ 2009 – 12/2010: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 12/2010 – 12/2011: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 01/2012 – 07/2013: Trưởng phòng Nhân sự tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 11/2012 – Nay: Thành viên HĐQT tại Trường Đại học Văn Hiến.
- \* Từ 07/2013 – Nay: Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 10/2016 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2015 – 26/09/2017: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 26/09/2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 36.800 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,18 % vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Thành viên điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
2	Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
3	Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
5	Đình Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	

"Xem SYLL - Trần Thanh Hương - Như trên"

## Bà Huỳnh Thanh – Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 11/11/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2001 – 12/2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Mỹ Anh.
- \* Từ 01/2006 - 05/2011: Quản lý nhóm Cty TNHH Tư vấn Kiểm toán A&C.
- \* Từ 06/2012 – 03/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2014 – 03/2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- \* Từ 05/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1)

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Tống Văn Tùng – Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2002 – 2007: Tự kinh doanh.
- \* Từ 2008 – 2012: Học Đại học tại Trường Đại Học Văn Hiến.
- \* Từ 2013 – 02/2014: Làm việc tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 03/2014 – 08/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy Sản Số 9.
- \* Từ 9/2015 – 10/2016: Phó Phòng Chuỗi Cung ứng Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- \* Từ 11/2016 – 04/2017: Giám Đốc Công ty TNHH Nha Mân.
- \* Từ 05/2017 - nay: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.
- \* Từ 05/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 1.049.400 Cổ phần phổ thông (chiếm 5,27 % vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Bà Nguyễn Minh Hiếu – Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 02/12/1986

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính - Kế toán

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2005-2009: Đại học
- \* Từ 2009-2010: Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH One Pay.
- \* Từ 2010-2011: Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 2011-2015: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Châu.
- \* Từ 2015 -2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Châu.
- \* Từ 2017-2018: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- \* Từ 06/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Đình Nhân Thiên Phúc – Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 18/10/1987

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2005-2010: Đại học
- \* Từ 2010-2011: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá.
- \* Từ 2011-2012: Làm việc tại Công ty CP Thủy Sản Số 1.
- \* Từ 2012-2014: Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.
- \* Từ 2015 -2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Châu.
- \* Từ 2014-2015: Kinh doanh tự do.
- \* Từ 2015 – 04/2017: Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2017 – 12/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm Nha Môn.
- \* Từ 12/2017 – 03/2018: Phó Giám đốc Chuỗi Cung ứng Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 03/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: 140.476 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,70% vốn điều lệ).
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Ông Nguyễn Minh Hoàng – Kế toán trưởng

**Năm sinh:** 14/11/1980

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 09/2002 – 03/2010: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC).
- \* Từ 04/2010 – 02/2015: Phó phòng Kiểm soát nội bộ Công ty CP Công nghệ Tiên Phong.
- \* Từ 03/2015 – 06/2016: Chuyên viên Kế toán Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 07/2016 – 03/05/2017: Trưởng Bộ phận Kế toán Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- \* Từ 03/05/2017 – Nay: Kế Toán trưởng Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.





STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên ban kiểm soát	
2	Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên ban kiểm soát	

## Ông Huỳnh Minh Tâm – Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 16/07/1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Cử nhân chuyên ngành Luật kinh doanh.

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 01/2001 – 12/2005: Sống và làm việc tại địa phương.
- \* Từ 01/2006 – 02/2009: Học tại Trường Đại học Trà Vinh.
- \* Từ 03/2009 – 08/2009: Kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Vạn Thành.
- \* Từ 09/2009 – 05/2012: Kế toán tại Công ty TNHH KT và TV Thuế Chiến Thuật.
- \* Từ 06/2012 – 12/2013: Kế toán tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 01/2014 – 06/2014: Kế toán tại Công ty CP Thủy sản Số 1.
- \* Từ 04/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- \* Từ 01/2016 – 07/2016: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 08/2016 – 04/2017: Trưởng phòng kinh doanh bán buôn Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2017 – 06/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Bà Đinh Thị Bảo Yến – Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 17/01/1990

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- \* Từ 2008 – 2012: Học tại Trường Đại học Dân lập Văn Lang.
- \* Từ 07/2012 – 09/2013: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.
- \* Từ 09/2013 – Nay: Kế toán tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- \* Từ 04/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2018:**

- \* Sở hữu cá nhân: Không có.
- \* Đại diện sở hữu: Không có.



## Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	30/01/2018	
2	Huỳnh Thanh	Thành viên BKS		28/03/2018
3	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc		02/10/2017
4	Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	02/10/2017	
5	Tô Thị Kim Thịnh	Phó Tổng Giám đốc		06/10/2017
6	Dư Thiện Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc		09/05/2018
7	Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc		08/03/2018
8	Đình Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018	
9	Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	09/05/2018	
10	Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	09/05/2018	
11	Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	20/06/2018	



## Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Họ và tên	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	392	100%
1	Trên Đại học	1	0,26%
2	Đại học	69	17,60%
3	Cao đẳng	26	6,63%
4	Khác	296	75,51%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	392	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	130	33,16%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	262	66,84%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2013	5.036.905
2	2014	5.543.366
3	2015	6.239.123
4	Năm tài chính 01/01/2016 - 30/09/2016	6.634.263
5	Năm tài chính 01/10/2016 - 30/09/2017	6.998.836
6	Năm tài chính 01/10/2017 - 30/09/2018	7.069.055



## Chính sách đối với người lao động

### Hoạt động đào tạo

Yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị của một doanh nghiệp chế biến thủy sản và xuất khẩu là sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, nhằm đẩy mạnh mở rộng thị trường và đặt yếu tố cốt lõi lên hàng đầu vào các hoạt động, do đó, Công ty đã luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm trong năm qua. Để làm được điều này, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã tập trung đào tạo trình độ nâng cao trình độ chuyên môn của từng cán bộ tham gia vào quy trình sản xuất của sản phẩm. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng, kỹ thuật và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v... cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực cử người tham gia các khóa học về thuế, lương, chất lượng đầu ra, v.v... để hoàn thiện dần trong cơ cấu quản lý.

### Chính sách phúc lợi

Nhằm xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Công ty với người lao động, Ban lãnh đạo đã luôn tạo điều kiện tốt nhất cho toàn thể cán bộ công nhân viên với những chế độ đãi ngộ và quyền lợi theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Công ty khuyến khích người lao động tham gia các loại hình BHXH, BHYT, v.v..., ngoài ra, nhằm tạo môi trường làm việc sôi động Công ty đã đẩy mạnh hoạt động thi đua giữa các nhóm, phòng ban với nhau. Đồng thời, Công ty còn cải thiện các chính sách khen thưởng với những cán bộ có thành tích lao động tốt, nhằm nâng cao tinh thần làm việc, sáng tạo, đảm bảo tính công bằng trong tổ chức. Bên cạnh xây dựng chính sách cá nhân, Công ty còn tích cực tổ chức các phong trào đội nhóm bằng những hoạt động dã ngoại, tổ chức sự kiện tại khuôn viên Công ty, v.v.... nhằm tạo sự gắn kết giữa Ban điều hành và các cán bộ công nhân viên, công nhân.

### Môi trường công việc

Nhằm tạo môi trường làm việc hiện đại, năng động, mối quan hệ mật thiết giữa lãnh đạo với cán bộ công nhân viên, Công ty đã xây dựng môi trường làm việc đáp ứng đủ tiêu chuẩn cho người lao động. Đồng thời, tổ chức bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống các phòng nghỉ, phòng ăn, v.v.... giúp công nhân có sự thoải mái, thuận tiện trong giờ giải lao. Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở giữa Ban quản lý và người lao động để tạo điều kiện cho từng cá nhân phát huy tối đa khả năng vốn có của bản thân. Những nỗ lực và sự đóng góp không ngừng vì sự phát triển của Công ty được ghi nhận ghi nhận và khuyến khích kịp thời.



## Chính sách lương 2017 - 2018

### Đối với khối Gián tiếp hưởng lương 3P

Lương P1: Lương theo vị trí công việc.

Lương P2: Theo năng lực và hiệu quả công việc.

Lương P3: Thưởng kết quả hoàn thành mục tiêu công việc khi Công ty đạt mục tiêu kinh doanh (lợi nhuận), chiếm 5% tổng lương 3P, cụ thể:

- \* Đạt dưới 70% mục tiêu kinh doanh: Không được hưởng lương P3;
- \* Đạt từ 70%-80% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 50% lương P3;
- \* Đạt từ 80%-90% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 75% lương P3;
- \* Đạt từ 90%-100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3;
- \* Đạt trên 100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3 + Bonus.

### Đối với khối trực tiếp sản xuất hưởng lương sản phẩm

Hưởng lương trên sản lượng sản xuất được và hưởng theo sản phẩm



## Chính sách thưởng 2017 - 2018

Tiếp tục phát huy chính sách lương, thưởng của năm trước đồng thời xem xét điều chỉnh chính sách lương 3P cho CBNV bình quân tăng 15%. Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể, tổ chức bữa ăn cho cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo “Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm”.

- \* Thưởng bằng 50% tổng số tiền lương 01 tháng (bình quân) nếu hoàn thành 70% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 65% kế hoạch ngân sách.
- \* Thưởng bằng tổng số tiền lương 01 tháng (bình quân) nếu hoàn thành 85% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 75% kế hoạch ngân sách.
- \* Thưởng bằng tổng số tiền lương 1,5 tháng lương (bình quân) nếu hoàn thành 95% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 85% kế hoạch ngân sách.
- \* Thưởng bằng 15% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 3 tháng lương (bình quân) nếu hoàn thành 100% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt 95% kế hoạch ngân sách.
- \* Thưởng vượt kế hoạch theo quy chế khen thưởng 7:3 (cho phần vượt) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nếu hoàn thành trên 100% mục tiêu và hiệu quả tài chính vượt trên 100% kế hoạch ngân sách.



## Tình hình đầu tư, thực hiện dự án trong năm 2018

Tên tài sản	Nguyên giá (ĐVT: Đồng)
Dự án Công trình HHA OFFICE	8.079.631.490

## Xây dựng công trình dở dang trong năm 2018

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	Khu C, KCN Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản...
2	Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu	Số 45D/TB, Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Đồng Tháp	Chế biến và bảo quản rau quả
3	Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	Lô C3-1, đường D2 và đường N7, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TPHCM	Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự

## Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

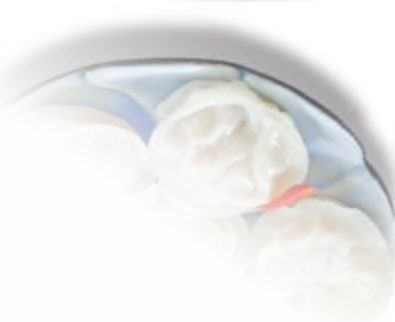
Chỉ tiêu	01/10/2016-30/09/2017	01/10/2017 - 30/09/2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	886.102	952.879	7,54%
Doanh thu thuần	909.128	1.032.842	13,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.709	29.683	36,73%
Lợi nhuận khác	3.876	488	-87,41%
Lợi nhuận trước thuế	25.585	30.171	17,92%
Lợi nhuận sau thuế	20.838	24.480	17,48%
Tổng giá trị chi trả cổ tức	18.780		

Năm tài chính 2018 có thể coi là một năm đầy biến động của ngành thủy sản nói chung và Công ty nói riêng. Diễn biến thất thường của thị trường nguyên vật liệu đầu vào và thị trường đầu ra luôn đặt ra nhiều thách thức cho Công ty. Năm qua, doanh thu của Công ty đạt 1.032.842 tỷ đồng, tăng 13,61% so với cùng kỳ năm trước. Giá cá tra, tôm có xu hướng tăng mạnh vào thời gian gần cuối năm đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành, nhưng nhờ vào chính sách lưu trữ hàng tồn kho hợp lý đã giúp Công ty kiểm soát tốt chi phí giá vốn, qua đó giúp lợi nhuận sau thuế đạt 24.480 tỷ đồng, tăng 17,48% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong năm Công ty còn tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới trong lĩnh vực nông nghiệp để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường nhằm phát triển vững chắc thương hiệu mà Công ty đã xây dựng trong hơn 40 năm qua. Kết quả trên cũng là sự đóng góp hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên và của Ban lãnh đạo với những chính sách và kế hoạch đúng đắn sát với sự biến động khó lường của thị trường trong và ngoài nước.



## Chỉ số tài chính

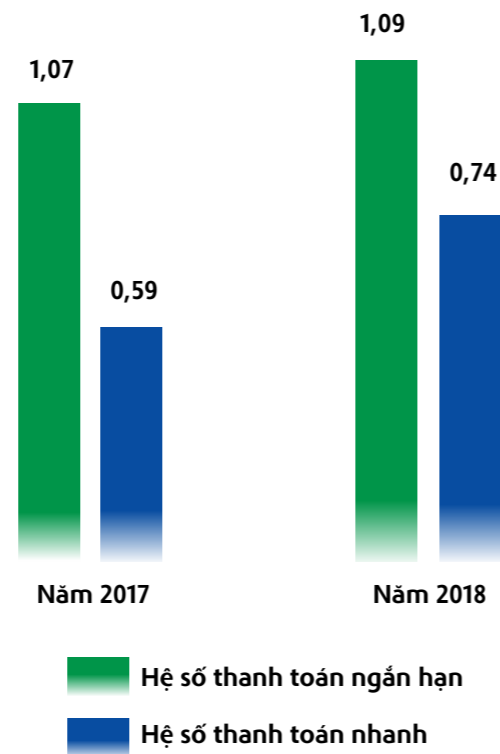
Chỉ tiêu	ĐVT	01/10/2016-30/09/2017	01/10/2017 - 30/09/2018	% tăng giảm
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,09	1,85%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,74	24,13%
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,03%	71,12%	1,55%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	233,71%	246,25%	5,37%
<b>Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,90	4,62	18,33%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,12	1,12	0,10%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số LNST/DTT	%	2,29%	2,37%	3,41%
Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	9,94%	9,05%	-8,94%
Hệ số LNST/Tổng TS bình quân	%	2,57%	2,66%	3,50%
Hệ số LN HĐKD/DTT	%	2,39%	2,87%	20,35%



## Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán nhìn chung có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm tài chính 2017, trong khi chỉ số thanh toán ngắn hạn chỉ tăng khoảng 1,85% lên 1,09 lần thì chỉ số thanh toán nhanh tăng 24,13% lên 0,74 lần. Do tình hình xuất khẩu gặp khó khăn nên Công ty phải đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa, đồng thời áp dụng các chính sách bán hàng, thu tiền linh hoạt nhằm cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, điều này làm khoản mục nợ phải thu tăng (47,83%) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, việc áp dụng các chính sách này luôn được Công ty cân nhắc rất kỹ lưỡng nên không xảy ra tình trạng nợ phải thu khó đòi.

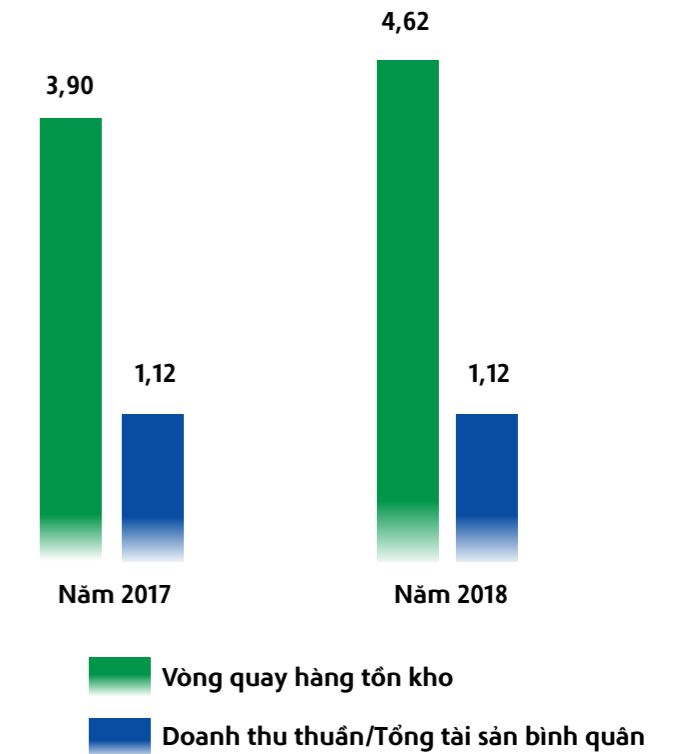
Khả năng thanh toán (Đvt: lần)



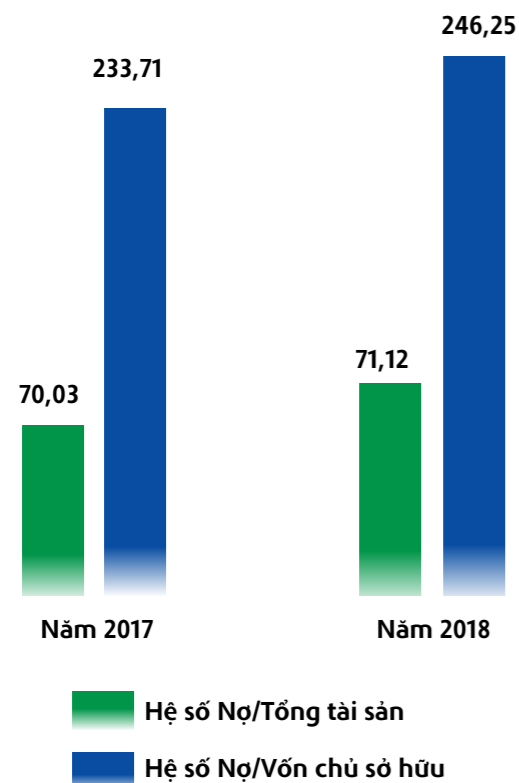
## Chi tiêu về hiệu quả hoạt động

Các hệ số về hiệu suất hoạt động có sự biến động nhẹ, năm tài chính 2018 vòng quay hàng tồn kho tăng 18,33% lên 4,62 vòng/năm, nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng cao do giá nguyên vật liệu đầu vào như cá tra, tôm, ghe, mực, v.v... đều có xu hướng tăng ở thời điểm cuối năm tài chính. Mặc khác, trong năm Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy Thủy sản Sa Đéc Đồng Tháp và một số công trình khác đã làm tổng tài sản tăng (7,5%) trong khi do thị trường xuất khẩu gặp khó khăn nên doanh thu thuần chỉ tăng nhẹ điều này đã khiến chỉ số hiệu suất hoạt động trong năm tài chính 2018 chưa cao. Tuy nhiên, khi nhà máy đi vào hoạt động dự kiến sẽ mang lại sản lượng lớn và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, điều này sẽ mang lại hiệu quả cao trong tương lai gần cho Công ty.

Khả năng về năng lực hoạt động (Đvt: vòng)



Chi tiêu về cơ cấu vốn (Đvt: %)



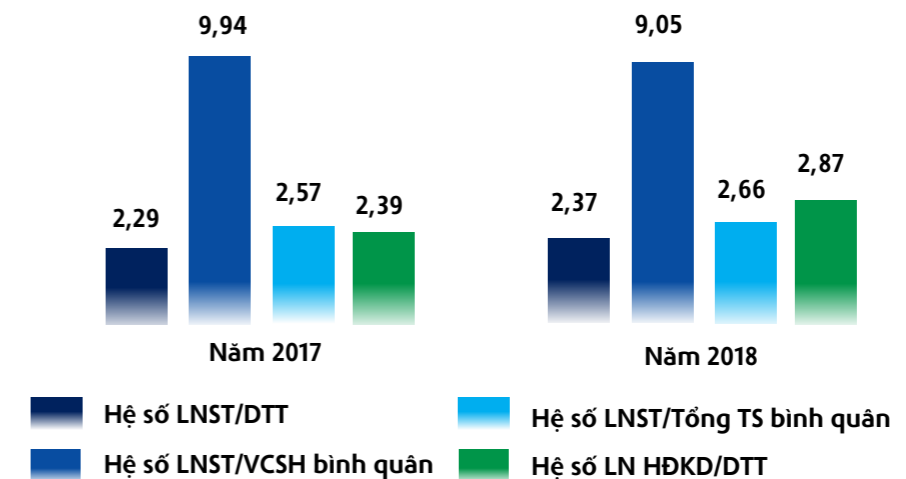
## Chi tiêu cơ cấu vốn

Nhóm chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng biến động theo hướng gia tăng nợ vay, cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản tăng khoảng 1,55%, trong khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng 5,37% so với cùng kỳ năm tài chính 2017. Tại thời điểm 30/09/2018, các khoản nợ vay của Công ty khoảng 480 tỷ đồng, các khoản vay này đều có tài sản đảm bảo. Công ty luôn theo dõi và thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn, đảm bảo hệ số tín nhiệm cao với các ngân hàng. Khoản mục phải trả người bán cũng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả, điều này cho thấy Công ty có uy tín lớn trong việc thanh toán đối với các nhà cung cấp. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

## Chi tiêu khả năng sinh lời

Năm qua, với sự khó khăn chung của ngành thủy sản về cả đầu vào và đầu ra đã ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Việc các thị trường Châu Âu (EU) áp dụng thẻ vàng IUU, các đối thủ lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, v.v... gia tăng sức ép không chỉ về giá thành sản xuất mà còn về quy mô sản lượng, chất lượng đã gây khó khăn không nhỏ đến doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, tỷ trọng doanh thu bán hàng tại thị trường nội địa tăng hơn so với năm 2017, trong khi giá bán tại thị trường nội địa thấp hơn giá bán xuất khẩu, điều này làm cho lợi nhuận chung giảm. Không chỉ như vậy, việc giá nguyên vật liệu đầu vào, giá nhân công sản xuất, giá điện nước tăng cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Do vậy, để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã áp dụng các chính sách tồn kho, bán hàng linh động để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất trong năm qua.

Khả năng thanh toán (Đvt: %)



## Thông tin cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>	<b>19.906.043</b>	
1	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	19.906.043	
2	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1.010</b>	
	Tổng số cổ phiếu phát hành	19.907.053	

## Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/09/2018

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	<b>2.102.185</b>	<b>21.021.847.968</b>	<b>10,56%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>17.765.688</b>	<b>177.656.882.032</b>	<b>89,24%</b>
1	Cá nhân	6.776.250,20	67.762.502.032	34,04%
2	Tổ chức	10.989.438	109.894.380.000	55,20%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>39.180</b>	<b>391.800.000</b>	<b>0,20%</b>
1	Cá nhân	30.139	301.390.000	0,15%
2	Tổ chức	9.041	90.410.000	0,05%
<b>V</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1.010</b>	<b>10.100.000</b>	<b>0,00%</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.907.053</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>100,00%</b>



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Khoản mục	Loại phát hành	
Mệnh giá (ĐVT: đồng)		10.000
Số lượng chứng khoán phát hành (ĐVT: đồng)	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	563.228
	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	563.228
Số cổ đông được phân phối (ĐVT: người)	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	381
	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	381
Tổng số lượng chứng khoán sau khi phát hành (ĐVT: cổ phần)	Phát hành cổ phiếu để trả cổ và tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH	19.907.053
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết (ĐVT: đồng)	Phát hành cổ phiếu để trả cổ và tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH	19.907.053
Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực	Phát hành cổ phiếu để trả cổ và tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH	06/09/2018
Ngày chính thức giao dịch	Phát hành cổ phiếu để trả cổ và tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH	17/09/2018

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

## Các chứng khoán khác

- Không có







# **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**



Hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm, yếu tố cốt lõi để giữ vững lòng tin với người tiêu dùng là vệ sinh an toàn thực phẩm, điều kiện tiên quyết cho sự sống còn của Công ty. Ý thức được những vấn đề như trên, Công ty đã có những giải pháp tập trung vào nâng cấp hệ thống sản xuất, chú trọng đến việc bảo vệ môi trường nhằm hướng đến một doanh nghiệp chất lượng. Đó là một trong những phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu Công ty trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài.

Trong những năm gần đây, chính sách môi trường đang là những chủ trương, biện pháp mang tính chất chiến lược, nhằm đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác môi trường khu vực Đông Nam Á (ASEAN), thực hiện được nhiều sáng kiến đóng góp tích cực vào các hoạt động này của khu vực. Tạo lập xu hướng kinh tế tăng trưởng bền vững kèm với thân việc thiện môi trường đang được nhiều quốc gia phát triển và đang phát triển hưởng ứng tích cực, trong đó có Việt Nam. Đánh giá được tầm quan trọng của vấn đề này, Công ty

Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu luôn tích cực hưởng ứng phong trào bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu biến đổi khí hậu, v.v... nhằm hướng đến việc xây dựng thương hiệu phát triển toàn diện và bền vững. Ngoài ra, trong năm qua Công ty tập trung phát triển mở rộng mạng lưới cung ứng sản phẩm ra nước ngoài như Nhật Bản, EU, Mỹ, v.v..., đồng thời, tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy trình sản xuất, chế biến thủy sản mang lại hiệu quả tốt nhất cho sản phẩm Hùng Hậu trong và ngoài nước.





### Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch

Trong những năm gần đây, xuất khẩu thủy sản vào các thị trường truyền thống như EU, Mỹ đang gặp rất nhiều khó khăn liên quan đến hàng rào thuế quan và kiểm định an toàn thực phẩm. Do đó, vấn đề đầu vào đảm bảo chất lượng luôn là ưu tiên hàng đầu trong quy trình sản xuất của Công ty. Để làm được điều trên, Ban lãnh đạo tập trung đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao nhằm phụ trách việc kiểm tra, kiểm định từng lô nguyên liệu đáp ứng chất lượng trước khi nhập vào quy trình sản xuất.

### Đầu tư nhà máy, máy móc hiện đại

Hiện tại, Công ty có ba nhà máy chế biến thực phẩm – thủy sản được đầu tư trang thiết bị đầy đủ, hiện đại, đúng quy cách. Các máy móc luôn được kiểm tra định kỳ, đầy đủ nhằm đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, việc kiểm tra định kỳ, sửa chữa hỏng hóc cũng là một cách giảm thiểu sử dụng năng lượng không cần thiết, tiết kiệm điện năng, tránh những rủi ro bị ngưng sản xuất khi xảy ra sự cố máy móc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, hiểu rõ được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với tình hình hoạt động của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo chú trọng đến công tác kiểm tra, đánh giá môi trường khu vực xung quanh các nhà máy. Cụ thể, cử người có chuyên môn giám sát các hệ thống máy móc xử lý nước thải định kỳ hoặc có phương án giải quyết những trường hợp xảy ra bất ngờ, lập báo cáo đánh giá môi trường, kiểm soát các tiêu chí môi trường trong giới hạn quy định. Ngoài ra, Công ty còn tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ lao động, tái sử dụng nguyên liệu, có chính sách tiết kiệm điện, nước phù hợp với hoạt động của Công ty.





Nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết với toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã tổ chức những hoạt động như vui chơi giải trí, nghỉ mát hàng năm cho cán bộ, nhân viên. Đồng thời, để khuyến khích tinh thần làm việc cũng như tạo nguồn động lực sáng tạo, Công ty đã có những chính sách khen thưởng đúng đắn dựa trên sự đóng góp và kết quả đạt được của từng cá nhân, phòng ban xuất sắc với công tác phụ trách. Đồng thời, Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động.

Thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động cho CBCNV khi đủ thời gian thử việc và được đánh giá đạt yêu cầu; đồng thời tham đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, xây dựng trang thiết bị hỗ trợ trong quá trình làm việc cho nhân viên.

Trách nhiệm với xã hội đang được xem như là một trong những chiến lược nằm trong chiến lược phát triển của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Triển khai tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không những sẽ giúp cho doanh nghiệp kinh doanh tốt mà còn hỗ trợ DN giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược liên quan đến kinh doanh, các vấn đề xã hội và xây dựng định hướng phát triển bền vững. Đối với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, trách nhiệm với xã hội là vấn đề luôn được quan tâm và thực hiện một cách thiết thực. Trong những năm gần đây, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến khắc nghiệt, kéo theo nhiều trận bão, lũ lụt xảy ra trong năm đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của

người dân trên nhiều vùng của lãnh thổ Việt Nam. Nhằm giảm bớt khó khăn phần nào của người dân ở những vùng thiệt hại, Công ty đã tổ chức các đợt vận động quyên góp toàn Công ty ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở. Ngoài ra, Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia các hoạt động thiện nguyện như tổ chức vui trung thu cho 30 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Mái Ấm Thiên Ân - Quận Tân Phú với mong muốn mang đến cho các em niềm vui và cảm nhận trọn vẹn giá trị của cái Tết Trung thu.



# **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đánh giá kết quả HĐKD**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chức năng, quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty**



## Tình hình chung

**Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 7,24 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2017**



Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 7,24 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2017. Về các sản phẩm thủy sản xuất khẩu thủy sản chủ lực, tính đến thời điểm cuối tháng 10 năm 2018 xuất khẩu tôm đạt gần 3 tỷ USD, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu tôm bắt đầu có dấu hiệu hồi phục sau khi sụt giảm trong quý II và quý III năm 2018, nguyên nhân là do nguồn cung tôm nuôi từ các nước sản xuất chính trên thế giới vẫn lớn nên giá tôm thế giới gần như không tăng, thậm chí ở một số nước đang bán cạnh tranh giá thấp đã tác động mạnh đến thị trường xuất khẩu. Xuất khẩu cá tra tháng 10 tiếp tục tăng mạnh 54% đạt 255 triệu USD, đưa tổng xuất khẩu 10 tháng đầu năm lên trên 1,8 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cá tra giống và cá tra nguyên liệu tăng mạnh, nguồn cung thiếu là những yếu tố khiến giá trung bình xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu cá tra tăng. Xuất khẩu mực, bạch tuộc tăng 12% đạt 69 triệu USD, và đạt 543 triệu USD tính đến cuối tháng 10.

Việt Nam là đối tượng để các thị trường áp dụng các hàng rào cản phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành sản xuất trong nước gây khó khăn cho hàng xuất khẩu. Những rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại như thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh, bảo vệ nguồn lợi IUU hay chương trình thanh tra riêng biệt đang và sẽ được tăng cường áp dụng. Bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh về thủy sản như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, v.v...ngày càng gia tăng sức ép cạnh tranh nhiều hơn qua những chương trình dài hạn, trung hạn, ngắn hạn trên cả quy mô về sản lượng, chất lượng, giá thành sản xuất, marketing và xúc tiến thương mại. Những yếu tố này đã gây ra tình trạng xuất khẩu khó khăn cho ngành thủy sản của Việt Nam nói chung và cho Công ty nói riêng.

Năm qua, tình hình nuôi trồng thủy sản nước ta gặp nhiều khó khăn từ nguồn giống đến điều kiện tự nhiên. Do tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn đã khiến môi trường nuôi cá giống không đảm bảo chất lượng khiến tỷ lệ cá giống chết tăng cao. Giá cá giống tăng mạnh do sản lượng cung giảm, đa số các hộ dân yêu cầu mua/bán thanh toán tiền mặt hoặc thời gian thanh toán ngắn đã gây khó khăn cho công tác thu mua nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Tôm sú vô có đơn hàng mới số lượng tôm size 13-15 và 16-20 thiếu nhiều, giá tôm sú tăng do thị trường tôm sú công nghiệp khan hiếm. Bên cạnh đó, do phía Trung Quốc thu mua các mặt hàng như tôm sú, thẻ, bạch tuộc, cá lưỡi trâu, v.v... với số lượng lớn đã gây khó khăn cho việc ổn định nguyên liệu đầu vào của Công ty. Ngoài ra, Bạch tuộc hai da đã vô mùa kể từ đầu tháng 06 nhưng sản lượng thấp, nguồn cung không đủ cầu do đó giá vẫn giữ, không giảm, Công ty buộc phải ưu tiên mua để đáp ứng nhu cầu đơn hàng.



Harmony  
House  
Heart

## Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	TH	TH	% tăng giảm
	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/2017
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	909.128	1.032.842	13,61%
2. Giá vốn hàng bán	828.267	939.471	13,43%
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.861	93.371	15,47%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.640	12.336	(9,56%)
5. Chi phí tài chính	38.870	39.447	1,48%
6. Chi phí bán hàng	19.435	16.745	(13,84%)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.487	19.832	36,90%
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.709	29.683	36,73%
9. Lợi nhuận khác	3.876	488	(87,41%)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.585	30.171	17,92%
11. Thuế TNDN	4.747	5.691	19,89%
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.838	24.480	17,48%



**Tình hình tài sản**

Chi tiêu	30/09/2017	Tỷ trọng	30/09/2018	Tỷ trọng	% tăng giảm 2018/2017
Tài sản ngắn hạn	494.688.955.588	55,83%	580.816.523.603	60,95%	17,41%
Tài sản dài hạn	391.412.750.350	44,17%	372.062.816.027	39,05%	-4,94%
Tổng tài sản	886.101.705.938	100,00%	952.879.339.630	100,00%	7,54%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2018 đạt 952 tỷ đồng, tăng 7,54% so với cùng kỳ năm 2017. Tài sản tăng chủ yếu từ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nội địa (tăng 57% so với cùng kỳ năm 2017), nguyên nhân là do tình hình xuất khẩu gặp khó khăn nên Ban lãnh đạo Công ty chuyển hướng đẩy mạnh việc tiêu thụ nội địa thông qua các hệ thống phân phối như siêu thị, các chuỗi cửa hàng; đồng thời thực hiện các chính sách bán hàng với thời gian và điều kiện thanh toán linh hoạt nhằm tạo mối quan hệ tốt với các khách hàng nội địa. Bên cạnh đó, do trong năm Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng một số dự án như dự án Công trình HHA OFFICE, dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp, Dự án Công trình nhà máy Nha Môn, v.v... nên Công ty thực hiện ứng trước một số chi phí nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng các dự án này, dẫn đến khoản mục trả trước cho người bán trong năm tăng (khoảng 90% so với cùng kỳ năm 2017).

Tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm 30/09/2018 đạt 372 tỷ, giảm 4,94% so với năm 2017, nguyên nhân là do trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nha Môn cho Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu đồng thời Công ty cũng chuyển nhượng 40% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu, xuống còn 10% vốn điều lệ (tương đương 5.000.000.000 VND).


**Tình hình nợ phải trả**

Chi tiêu	30/09/2017	Tỷ trọng	30/09/2018	Tỷ trọng	% tăng giảm 2018/2017
Nợ ngắn hạn	463.758.674.257	74,73%	534.633.969.928	78,89%	15,28%
Nợ dài hạn	156.810.777.587	25,27%	143.045.962.890	21,11%	-8,78%
Tổng nợ phải trả	620.569.451.844	100,00%	677.679.932.818	100,00%	9,20%



Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 30/09/2018 là 677 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2017. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 78,89% cơ cấu nợ và có xu hướng tăng 15,28%, trong khi đó nợ dài hạn có xu hướng giảm (8,78%) so với cùng kỳ năm trước. Các khoản vay nợ của Công ty chủ yếu là từ các ngân hàng lớn, điều này cho thấy uy tín của Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.





## Mục tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.035.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	12

- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm thuộc thương hiệu HappyFood ra thị trường tiêu thụ nội địa, tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mục tiêu 03 tháng cuối năm doanh thu nội địa tăng 20%.
  - Khảo sát và tiếp cận nhanh chóng 04 thị trường mục tiêu tiếp theo, trong đó ưu tiên thị trường Singapore thông qua khách hàng The Seafood, tăng cường tham gia hội chợ liên quan đến các mặt hàng thủy sản đông lạnh, hàng GTGT tại Singapore và HongKong vào thời gian tới.
  - Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng thị trường ngách có chất lượng cao, giá mua cao.
- Tìm kiếm thêm khách hàng và quảng bá thương hiệu HungHau thông qua hội chợ Vietfish.
- Tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam sẽ là hướng phát triển có tiềm năng cho Công ty trong thời gian tới.
- Chủ động tích trữ một số mặt hàng có giá cả tốt dựa vào nhu cầu dự báo của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm và nhập khẩu các nguyên liệu chính như mực, bạch tuộc, ... phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU, thị trường Nhật, giảm thiểu tối đa áp lực về giá cả do tình hình nguyên liệu trong nước.



## Công tác sản xuất

- Nhanh chóng hoàn thiện và đưa vào hoạt động ổn định băng chuyền tải đông tại Nhà máy số 3.
- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn kháng sinh, vi sinh.

## Hành chính Nhân sự

- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ sales chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong ngành.
- Tăng cường hoạt động tuyển dụng nhân sự như: liên kết với các công ty giới thiệu việc làm tại các vùng/địa phương lân cận hỗ trợ tuyển dụng lao động, kết hợp quảng bá thông tin tuyển dụng và chính sách đãi ngộ của công ty đến người lao động địa phương.
- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm theo quy định Pháp luật hiện hành.
- Hoàn thiện và xây dựng thêm những chính sách liên quan đến lương sản phẩm cho khối CNSX để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, hỗ trợ tiền giữ con nhỏ dưới 07 tuổi cho NLĐ yên tâm sản xuất & gắn bó lâu dài. Các phúc lợi, đãi ngộ khác, nhằm thu hút và giữ chân người lao động.
- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự và hệ thống thang bảng lương trong Khối Nông nghiệp.



## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

STT	Diễn Giải	Nơi cung cấp	Tiêu thụ	Tiêu thụ gián tiếp	Ghi chú
1	Điện năng tiêu thụ 12 tháng	Điện lực Củ Chi	2.944.301 KW	110.000 KW	
2	Nguồn cấp nước và lưu lượng nước sử dụng 12 tháng	Khu công nghiệp Tân Phú Trung	38.378 m <sup>3</sup>	1.800 m <sup>3</sup>	
3	Lưu lượng nước thải tháng 12	Khu công nghiệp tiếp nhận	30.702 m <sup>3</sup>		
4	Về tiêu chuẩn hệ thống xử lý nước thải	Xử lý nước đạt QCVN 40:2011/ BTNMT- cột B		Khi xử lý đạt loại B chuyển cho khu công nghiệp xử lý ra loại A.	
5	Báo cáo giám sát môi trường				Theo công văn của HEPZA (Không có báo cáo khi không phát sinh khí thải từ năm 2018)
6	Báo cáo giám sát môi trường làm việc	Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động – môi trường.	1 năm lần		Môi trường lao động đảm bảo cho NLĐ làm việc

Hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản, yêu cầu về An toàn vệ sinh thực phẩm luôn là vấn đề được Ban lãnh đạo Công ty coi là ưu tiên hàng đầu. Môi trường sản xuất được đảm bảo thì chất lượng sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn, đặc biệt là Công ty có định hướng đẩy mạnh xuất khẩu qua các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, v.v...Do đó, Công ty rất coi trọng các vấn đề xử lý nước thải, chất thải, v.v... nhằm đảm bảo môi trường sản xuất và làm việc của các cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức của nhân viên Công ty trong công tác tiết kiệm năng lượng (điện, nước, v.v...) hướng tới mục tiêu phát triển môi trường bền vững.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Trong năm qua, Công ty đã rất chú trọng các công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của từng thành viên trong Công ty. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng các chính sách phúc lợi, lương, thưởng phù hợp tạo sự gắn kết lâu dài giữa nhân viên và Công ty. Môi trường làm việc thân thiện, hiện đại và năng động nhằm tạo bầu không khí làm việc thoải mái, phát huy tối đa tính sáng tạo đã mang lại hiệu quả cao trong công việc của từng nhân viên.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề cộng đồng

Các hoạt động xã hội thường xuyên được Công ty thực hiện như chương trình xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, giúp đỡ trẻ em tại Mái Ấm Thiên Ân - Quận Tân Phú, v.v.... Với Hùng Hậu, việc thực hiện các hoạt động giúp đỡ cộng đồng xã hội luôn mang một ý nghĩa rất thiêng liêng. Do vậy, Công ty luôn cố gắng nỗ lực để đóng góp một phần công sức nhằm giúp đỡ hoàn cảnh khó khăn của cộng đồng.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc của Công ty

Các kế hoạch, định hướng trong tương lai



## Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018



### Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- \* Tổng doanh thu đạt 1.033,216 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm 2018 và bằng 113% so với năm 2017.
- \* Lợi nhuận trước thuế đạt 30,17 tỷ đồng, bằng 86% kế hoạch năm 2018 và bằng 118% so với năm 2017.
- \* Tổng tài sản tại ngày 30/9/2018 đạt 952,88 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- \* Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2018 đạt 580,82 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng thời điểm của năm 2017.
- \* Tài sản dài hạn tại ngày 30/9/2018 đạt 372,06 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng thời điểm của năm 2017.
- \* Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2018 đạt 275,2 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng thời điểm của năm 2017.

### Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- \* Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của pháp luật Nhà nước và Công ty.
- \* Với chủ trương “nguồn lực tại chỗ là nguồn lực quan trọng”, Ban Tổng Giám đốc đã sớm có kế hoạch đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên nghiệp lâu năm và lãnh đạo cấp trung trở thành người đứng đầu các Công ty thành viên, đảm bảo hoạt động ổn định, không gây biến động về tình hình nhân sự.

### Tăng vốn điều lệ

- \* Hoàn thành tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2017 nên vốn điều lệ được tăng từ 187.805.970.000 đồng thành 199.070.530.000 đồng. Vốn điều lệ mới đã góp phần nâng cao hình ảnh và quy mô doanh nghiệp cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- \* Công ty niêm yết và giao dịch số lượng cổ phiếu tăng thêm cùng với việc sửa đổi điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện kịp thời.

### Sản xuất

- \* Công ty đặc biệt chú trọng đến chất lượng sản phẩm, có quy trình kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi được đưa ra thị trường, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất.
- \* Công ty tiếp tục duy trì và không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL để cung cấp sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.



## Đánh giá hoạt động và thù lao của HĐQT 2017 - 2018

Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2017-2018, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp HĐQT và xin ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, các nội dung họp sát với tình hình kinh tế xã hội và tập trung vào các vấn đề như: định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản trị.... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước. Nhờ đó, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của Công ty, cụ thể những nội dung đã thông qua như sau:

- \* Xem xét phê duyệt kết quả thực hiện SXKD định kỳ hằng quý và phương hướng quý sau để có chỉ đạo cụ thể đến Ban Tổng Giám đốc.
- \* Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018 vào tháng 01/2018; hoàn thành chi trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- \* Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018.

- \* Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân sự kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và tăng quy mô hoạt động trong thời gian tới.
- \* Chỉ đạo công tác công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động SXKD, báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định.
- \* Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- \* Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm tài chính 2018, HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì ổn định các hoạt động của Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2018 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng (căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 31/01/2018).



HĐQT đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc có sự thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng vị trí, tiếp tục giữ vững và phát huy đoàn kết nội bộ trong toàn Công ty; luôn luôn tuân thủ pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết/ quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nên đã mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và Cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc chủ động trong điều hành, linh hoạt, sáng tạo và chỉ đạo quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT, với những công việc:

- \* Công tác quản trị đang từng bước đi vào nề nếp và với cơ chế phân cấp – phân quyền – phân định trách nhiệm cụ thể của từng vị trí lãnh đạo.
- \* Thực hiện đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- \* Đảm bảo việc làm ổn định cho 100% người lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân tăng hơn 6% so với năm 2017.
- \* Bảo trì, bảo dưỡng và đại tu hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



### Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.035.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000

### Các giải pháp thực hiện

#### Triển khai các mục tiêu trọng tâm

Công tác quản lý sản xuất: Tập trung đẩy mạnh sản lượng sản xuất hàng GTGT tại nhà máy HAF; Xây dựng bộ định mức kiểm soát nguyên liệu, sản xuất, chế biến. Thực hiện phương án đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ tại nhà máy HA1 đảm bảo tăng 30% năng suất so với hiện tại.

\* Hoàn thành việc tìm thêm nhà cung cấp trong nước và quốc tế đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng và tiến độ.

\* Hoàn thiện Catalogue và các ấn phẩm phục vụ bán hàng.

\* Triển khai các chương trình quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng:

+ Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin chuẩn hóa dữ liệu khách hàng, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng.

+ Gửi thông tin thường xuyên đến khách hàng định kỳ hàng tháng.

Triển khai chương trình phát triển khách hàng mới, khôi phục khách hàng cũ cho từng nhân viên sale đảm bảo có doanh số phù hợp.

\* Phát triển thương hiệu, thị phần: Tham gia các Hội chợ quốc tế, các buổi giao thương với các khách hàng, đối tác thông qua cơ quan Trung tâm xúc tiến thương mại.

\* Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.

\* Thực hiện triệt để việc liên kết chuỗi giá trị hàng hóa nông sản – thủy sản để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.

\* Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.

\* Chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển, tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

\* Đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ kịp thời theo xu hướng quốc tế.

\* Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

\* Tập trung nâng cao chất lượng nguồn lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân sự kế thừa.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Từ Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Định Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
6	Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
7	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
8	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành


**Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Trong năm tài chính 2017 - 2018, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (năm chuyển đổi tài chính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/09/2018) vào ngày 31/01/2018 tại khách sạn New World, thành phố Hồ Chí Minh và Đại hội ban hành nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018.</li> <li>Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.</li> <li>Thông qua báo cáo hoạt động BKS năm 2017.</li> <li>Thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017.</li> <li>Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</li> </ul>
1	Số 01/NQ-ĐHĐCĐ	31/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua điều chỉnh tiến độ triển khai thực hiện Dự án.</li> <li>Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.</li> <li>Thông qua thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Thư ký, Ban kiểm soát năm 2018.</li> <li>Thông qua ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</li> <li>Thông qua việc bổ sung Thành viên HĐQT.</li> </ul>



## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là CT. HĐQT 01/07/2011	9/9	100%	
2	Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 26/04/2014	9/9	100%	
3	Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 07/05/2010	9/9	100%	
4	Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 18/04/2015	9/9	100%	
5	Ông Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 30/01/2018	4/9	44.44%	Ngày trúng cử TV. HĐQT là 30/01/2018
6	Ông Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 21/12/2016	9/9	100%	
7	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 07/05/2010	9/9	100%	
8	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 18/04/2015	9/9	100%	

## Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban

## Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

Không có

## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 14/NQ-HĐQT	02/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Từ Thanh Phụng.</li> <li>Thống nhất qua việc bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>
2	Số 15/NQ-HĐQT	06/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Tô Thị Kim Thịnh.</li> <li>Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm</li> </ul>
3	Số 16/NQ-HĐQT	06/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</li> </ul>
4	Số 17/NQ-HĐQT	18/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018: ngày 08/01/2018.</li> <li>Thông qua thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018: từ ngày 20/01/2018 đến ngày 31/01/2018.</li> </ul>
5	Số 01.2018/NQ-HĐQT	19/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian: 31/01/2018.</li> <li>Địa điểm: Khách sạn New World, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.</li> </ul> </li> </ul>
6	Số 02.2018/NQ-HĐQT	30/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc bổ sung tạm thời ông Trần Thanh Hương - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu vào Thành viên HĐQT.</li> </ul>
7	Số 03.2018/NQ-HĐQT	08/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đơn xin từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Ngô Văn Thế.</li> <li>Bổ nhiệm ông Đinh Nhân Thiên Phúc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>



## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	Số 04.2018/NQ- HĐQT	09/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đơn xin từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Du Thiện Minh Trang.</li> <li>Bổ nhiệm ông Tống Văn Tùng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> <li>Bổ nhiệm bà Huỳnh Thanh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>
9	Số 05.2018/NQ- HĐQT	09/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đơn xin từ nhiệm Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Lê Thị Lý.</li> <li>Bổ nhiệm bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>
10	Số 06.2018/NQ- HĐQT	12/06/2018	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành.
11	Số 07.2018/NQ- HĐQT	12/06/2018	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; triển khai thực hiện phương án phát hành.
12	Số 08.2018/NQ- HĐQT	29/06/2018	Bổ nhiệm bà Nguyễn Minh Hiếu giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
13	Số 09.2018/NQ- HĐQT	22/08/2018	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và niêm yết bổ sung với HNX.
14	Số 10.2018/NQ- HĐQT	12/09/2018	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nha Mân cho Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu.
15	Số 11.2018/NQ- HĐQT	26/09/2018	Thông qua việc ký kết 02 (hai) Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp.
16	Số 12.2018/NQ- HĐQT	27/09/2018	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu.

## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
17	Số 09/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Từ Thanh Phụng (Lý do: Có đơn xin từ nhiệm).
18	Số 10/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
19	Số 11/QĐ-HĐQT	06/10/2017	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Tô Thị Kim Thịnh (Lý do: Có đơn xin từ nhiệm).
20	Số 01.2018/QĐ- HĐQT	08/03/2018	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Ngô Văn Thế (Lý do: Có đơn xin từ nhiệm).
21	Số 02.2018/QĐ- HĐQT	08/03/2018	Bổ nhiệm ông Đinh Nhân Thiên Phúc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
22	Số 03.2018/QĐ- HĐQT	09/05/2018	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Du Thiện Minh Trang (Lý do: Có đơn xin từ nhiệm).
23	Số 04.2018/QĐ- HĐQT	09/05/2018	Bổ nhiệm ông Tống Văn Tùng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
24	Số 05.2018/QĐ- HĐQT	09/05/2018	Bổ nhiệm bà Huỳnh Thanh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
25	Số 06.2018/QĐ- HĐQT	09/05/2018	Thôi nhiệm chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Lê Thị Lý (Lý do: Có đơn xin từ nhiệm).
26	Số 07.2018/QĐ- HĐQT	09/05/2018	Bổ nhiệm bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
27	Số 08.2018/QĐ- HĐQT	29/06/2018	Bổ nhiệm bà Nguyễn Minh Hiếu giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

## Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Trong năm tài chính 2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trực tiếp chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công tác quản lý điều hành khác; phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra, đôn đốc thực hiện các công việc sau:

- Tiếp tục triển khai chiến lược xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu theo mô hình Tổng Công ty với các Công ty thành viên độc lập về hoạt động thường xuyên nhưng chịu sự chi phối từ Công ty mẹ về các hoạt động chủ chốt.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý thông qua dự báo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý nhằm chủ động khắc phục và huy động, bổ sung các nguồn lực về con người, tài chính,... của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.
- Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 vào ngày 31/01/2018.
- Thực hiện thành công việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp. Lý do: Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông; phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Thực hiện thành công: Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 20 được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 04/09/2018 và sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty ngày 23/08/2018 do thay đổi vốn điều lệ.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu, theo quy định của Luật chứng khoán.



## Ban kiểm soát

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên ban kiểm soát	
2	Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên ban kiểm soát	

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Huỳnh Thanh	Trưởng BKS	- Ngày bắt đầu là Trưởng BKS 26/04/2014 - Ngày không còn là Trưởng BKS 06/04/2018	1/2	100%
2	Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV. BKS 18/04/2014	2/2	100%
3	Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV. BKS 18/04/2014	2/2	100%

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty.
- Kiểm tra và xem xét tính hợp lý, hợp pháp các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Giám sát quá trình chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2018 được tổ chức vào ngày 31/01/2018.
- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra, xem xét báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán trước khi trình HĐQT.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm tài chính nhằm đánh giá trung thực các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác để nắm tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến kịp thời với Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương công việc	Thưởng
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>443.863.600</b>	
1.1	Trần Văn Hậu	-	
1.2	Từ Thanh Phụng	-	
1.3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	-	
1.4	Trần Thanh Hương	-	
1.5	Tôn Thất Diên Khoa	-	
1.6	Vô Minh Khang	-	
1.7	Đình Thị Bích Hà	-	
1.8	Ngô Đức Dũng	-	
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>103.362.799</b>	
2.1	Huỳnh Thanh	-	
2.2	Huỳnh Minh Tâm	-	
2.3	Đình Thị Bảo Yến	-	
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>	<b>1.649.037.181</b>	<b>186.954.516</b>
3.1	Trần Thanh Hương	-	-
3.2	Huỳnh Thanh	-	-
3.3	Tống Văn Tùng	-	-
3.4	Nguyễn Minh Hiếu	-	-
3.5	Nguyễn Minh Hoàng	-	-
3.6	Dư Thiện Minh Trang	-	-
3.7	Ngô Văn Thế	-	-
3.8	Đình Nhân Thiên Phúc	-	-



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kiểm toán 2018





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

—o—o—o—

Số: 86 2018/HHA/ CV-CBTT

(V/v CBTT định kỳ: BCTC hợp nhất Nam tại  
chính 2018 – đã được kiểm toán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

—o—o—o—

TP.HCM, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu.**
2. Mã chứng khoán: **SJ1.**
3. Địa chỉ liên lạc: **1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM.**
4. Điện thoại: **028. 3974 1135 – 028. 3974 1136** Fax: **028. 3974 1280**
5. Email: **[info@hungchau.vn](mailto:info@hungchau.vn).**
6. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc.**
7. Nội dung công bố thông tin:
  - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Năm tài chính 2018 (01/10/2017 – 30/09/2018) của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 10/12/2018 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, **TMBCTC đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán ngày 17/12/2018.**
  - 7.2. Nội dung giải trình:
    - 7.2.1. Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Năm tài chính 2018 tăng so với cùng kỳ Năm tài chính 2017:
      - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Năm tài chính 2018 tăng 17% so với cùng kỳ Năm tài chính 2017 là do:
        - ↳ Doanh thu tăng,
        - ↳ Cơ cấu hàng bán khác nhau.
    - 7.2.2. Giải trình BCTC Quý 4/2018 hợp nhất so với BCTC Hợp nhất Năm tài chính 2018.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: **[www.agri.hungchau.vn](http://www.agri.hungchau.vn).**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TRẦN THANH HƯƠNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Số: 001/KV-LV-HHMT

--oOo--

V/v: giải trình kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm tài chính 2018  
lãng so với cùng kỳ năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

--oOo--

TP HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm tài chính 2018 lãng so với cùng kỳ năm 2017 như sau  
Bảng lãng hợp các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)	Năm 2018 (từ 01/10/2017 đến 30/09/2018)	% tăng, giảm
<b>I Sản lượng SX-TT</b>				
1 Sản lượng sản xuất	Tấn	5.780	3.059	-47%
2 Sản lượng tiêu thụ	Tấn	8.048	3.782	-37%
<b>II Doanh thu - Lợi nhuận</b>				
1 Doanh thu thuần	Triệu đồng	909.128	1.032.842	14%
2 Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.838	24.480	17%
<b>III Các chỉ tiêu tài chính cơ bản</b>				
1 Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	235.832	348.988	49%
2 Hàng tồn kho	Triệu đồng	219.717	187.326	-15%
3 Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	483.759	534.834	11%

\* Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm tài chính 2018 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2017 là do:

- Doanh thu tăng
- Cơ cấu hàng bán khác nhau

Trên đây là phần giải trình biến động KOKD hợp nhất giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TV



TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính quý 4/2018 hợp nhất so với Báo cáo kiểm toán năm 2018 hợp nhất như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Báo cáo lũy kế quý 04/2018 hợp nhất	Báo cáo kiểm toán năm 2018 hợp nhất	Chênh lệch	Lý do
<b>TÀI SẢN</b>				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5,900,000,000	900,000,000	5,000,000,000	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10,815,500,000	15,815,500,000	(5,000,000,000)	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
<b>Tổng công tài sản</b>	<b>16,715,500,000</b>	<b>16,715,500,000</b>	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TRẦN THANH HƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: 028 3910 4881  
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: 028 3910 4881/3920 6881 - Fax: 028 3920 6991



## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Đánh cân đối kế toán hợp nhất	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Đạo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018.

### Khát quát

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

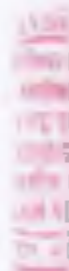
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Từ ngày 30/01/2018
Ông Tôn Thai Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/10/2017
Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/10/2017
Bà Du Thiện Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 09/05/2018
Ông Tăng Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Ông Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 08/03/2018
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 08/03/2018
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 29/06/2018



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thanh  
Ông Huỳnh Minh Tâm  
Bà Đinh Thị Bảo Yến

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

Đến ngày 28/03/2018

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Tuân chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dự ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính theo cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào; và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Trưởng Hội đồng Quản trị



Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương



Số : 08-2/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 10/12/2018, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có cân sai trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi được liệu đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trong thực tế, hợp lý nhằm hiểu các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Ban Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 2837.2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2018

Nguyễn Xuân Giang

Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 2784.2014-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

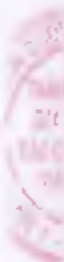
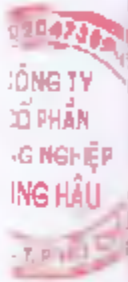
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		580.816.523.603	494.688.955.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.655.648.463	8.795.661.927
1. Tiền	111		5.655.648.463	8.795.661.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.985.564.452	235.632.093.431
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	340.265.982.980	230.143.969.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.387.888.235	3.885.496.147
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.871.693.237	1.602.621.697
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	187.325.573.149	219.711.928.671
1. Hàng tồn kho	141		187.325.573.149	219.711.928.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.849.037.539	16.549.271.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.494.408.533	2.949.185.382
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.354.829.006	13.600.086.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		372.062.816.027	391.412.750.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.190.864.607	8.071.178.746
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.190.864.607	8.071.178.746
II. Tài sản cố định	220		302.718.347.336	318.941.928.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	158.722.480.785	168.869.791.641
- Nguyên giá	222		222.195.772.090	219.439.125.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.473.292.305)	(50.576.333.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	35.462.465.332	40.290.129.736
- Nguyên giá	225		47.241.844.411	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.779.379.079)	(6.951.714.675)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	108.533.401.219	109.789.007.275
- Nguyên giá	228		113.027.012.250	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.493.611.031)	(3.238.004.975)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.311.043.278	5.623.744.511
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.311.043.278	5.623.744.511
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.215.500.000	24.455.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	14.240.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	15.315.500.000	10.215.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.127.060.806	34.320.398.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	31.127.060.806	34.320.398.441
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>952.879.339.630</b>	<b>886.101.705.038</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>677.679.932.818</b>	<b>620.569.451.844</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>534.633.969.928</b>	<b>463.758.674.287</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	127.635.020.412	110.816.361.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.741.397.098	7.850.131.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.653.810.207	4.867.183.738
4. Phải trả người lao động	314		9.501.639.124	6.408.975.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	15.249.148.499
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	5.808.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.222.340.490	15.898.495.341
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	168.993.185.950	302.521.140.266
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.567.637	147.238.339
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>143.045.962.890</b>	<b>156.810.777.587</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	30.854.775.000	21.900.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	112.191.187.890	134.910.777.587
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>275.199.406.812</b>	<b>265.532.254.094</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>275.199.406.812</b>	<b>265.532.254.094</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190.070.590.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190.070.590.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.478.827.960	52.061.107.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.019.289.456	1.975.474.500
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.650.859.396	27.239.801.634
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.210.943.811	2.901.652.073
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.479.915.585	20.838.149.561
6. Lợi ích của công đồng kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>952.879.339.630</b>	<b>886.101.905.938</b>

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

*Nguyễn Minh Hoàng*

Nguyễn Minh Hoàng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.033.216.336.014	910.116.441.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	374.547.294	988.063.703
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.032.841.791.720	909.128.378.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	939.470.933.869	828.267.485.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.370.859.851	80.860.892.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.336.405.740	13.639.957.936
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	39.447.152.745	38.869.580.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.081.229.737	35.645.704.516
8. Phạm lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	16.745.023.104	19.435.269.881
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	19.832.424.554	14.487.160.909
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.682.665.188	21.708.838.991
12. Thu nhập khác	31	VI.7	592.786.635	5.648.869.637
13. Chi phí khác	32	VI.8	104.231.250	1.772.422.317
14. Lợi nhuận khác	40		488.555.382	3.876.447.320
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.171.220.570	25.585.286.311
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.691.304.987	4.747.136.750
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.479.915.583	20.838.149.561
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		24.479.915.583	20.838.149.561
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.10	1.167	1.734

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.171.220.570	25.585.286.311
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và HSEĐT	02		18.980.229.333	18.251.713.780
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục liên tế có gốc ngoại tệ	04		656.076.656	106.619.984
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.691.450.396)	(17.931.828.795)
- Chi phí lãi vay	06		37.081.229.747	35.645.704.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.197.305.520	61.657.495.796
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(115.926.753.743)	(78.468.392.444)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		37.386.345.522	(14.771.518.146)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.464.375.727	22.409.746.719
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		4.647.614.484	(543.731.524)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Liên lãi vay đã trả	14		(17.081.229.757)	(34.214.475.531)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(717.136.750)	(2.604.845.547)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.745.722.667)	(2.976.556.514)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(34.805.191.668)</b>	<b>(49.512.277.211)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.443.946.784)	(81.957.371.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(33.885.000.000)	(3.510.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.125.000.000	25.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		814.034.128	2.653.192.868
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.670.087.344</b>	<b>(43.829.178.234)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	09.889.048.000
2. Tiền chi trả vốn góp của các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		832.474.633.106	727.205.904.089
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(780.514.506.510)	(722.896.525.957)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(8.885.783.697)	(8.487.265.887)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.128.442.200)	(6.251.168.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>29.945.900.690</b>	<b>89.459.991.745</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(3.189.203.625)</b>	<b>(3.881.463.700)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.795.661.927	12.685.617.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		49.190.161	(8.491.888)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	<b>5.655.648.463</b>	<b>8.795.661.927</b>



Người lập báo cáo:

*Paul*

Kế toán trưởng

*Hoàng*

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Minh Hoàng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng uống sữa;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc vật;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trà gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Nông nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

**BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**I. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm tiếp theo.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp hạn hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

*Công ty con*

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong lúc báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Nếu các tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

*Các công ty liên doanh, liên kết*

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có cấu trúc loại đồng mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế (thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ đầu khoản lợi thế thương mại này.

CÔNG  
CÔ PH  
NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

CÔNG  
CÔ PH  
NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được ghi bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với tỷ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh tương đương cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trong ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lo chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản. Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả. Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu khác hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 - 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 - 08 năm

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

**RÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại trái phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giá, thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Phần tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn tiền ra và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng hóa**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí hậu mãi sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tai nạn, cháy nổ...); chi phí hàng tiêu khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở sự chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**18. Bản cấu bộ phận**

Bản cấu theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Hộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở ưu đãi hoặc ghi nhận tái vấn và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**20. Hệ liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2018	31/10/2017
	VND	VND
Tiền mặt	394.061.286	1.059.289.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.261.581.177	7.736.372.867
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.655.648.463</b>	<b>8.795.661.927</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/10/2017			
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>		20.000.000.000	20.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh cho các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		6.000.000.000	6.000.000.000		-	-
<b>h) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		16.715.500.000			24.455.500.000	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		900.000.000			14.240.000.000	
+ Công ty TNHH Nha Môn (a)		-		48%	12.015.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)		-		50%	1.300.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	900.000.000	(*)	30%	925.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		15.815.500.000			10.215.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	207.376.000		159.520.000	207.376.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	(*)		65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)	10%	5.000.000.000	(*)		-	
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	10.090.000.000	(*)	17%	9.990.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000	(*)		-	

(a) Trong năm, Công ty chuyên nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nha Môn theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐQT ngày 12/09/2018.

(b) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 40% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu, xuống còn 10% vốn điều lệ (tương đương 5.000.000.000 VND) thông qua Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 27/09/2018.

(\*) Tại ngày 01/10/2017 và ngày 30/09/2018, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

3. Phải thu của khách hàng	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	340.765.982.980	230.143.969.191
Phải thu khách hàng trong nước	321.437.373.764	204.320.606.121
Phải thu khách hàng nước ngoài	19.328.609.216	25.823.363.070
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	60.603.563	621.481.483
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.123.213.991
Công ty CP kiến trúc Xây dựng Nhà Vui		1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Triển Miền Tây	5.000.000.000	-
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	1.219.147.290	1.762.282.552
<b>Cộng</b>	<b>7.383.888.235</b>	<b>3.885.496.543</b>
5. Phải thu khác	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.815.693.237	1.602.627.697
Tài tiền gửi dự trữ	694.408.333	376.991.669
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	442.508.904	523.860.032
Phải thu khác	698.776.000	701.776.000
b) Dài hạn	7.190.864.607	8.071.178.746
Ký quỹ thuế tài chính - Công ty TNHH Chu thuế tài chính quốc tế Việt Nam	5.185.533.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	1.976.345.807	2.761.181.896
Phải thu cán bộ công nhân viên mượn (tiền mua cổ phiếu)	28.985.000	124.463.050
<b>Cộng</b>	<b>9.036.557.844</b>	<b>9.673.806.443</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá gốc	Dự phóng	Giá gốc	Dự phóng
Nguyên liệu, vật liệu	2.057.709.609	-	2.091.022.826	-
Công cụ, dụng cụ	2.199.178.239	-	3.184.373.033	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	13.708.298.556	-
Thành phẩm	182.668.685.301	-	200.728.234.256	-
<b>Cộng</b>	<b>187.325.573.149</b>	<b>-</b>	<b>219.711.928.671</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/03/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.494.908.531</b>	<b>2.949.185.182</b>
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	282.378.662	245.950.576
Tiền thuê đất	722.366.641	745.928.309
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.750.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	454.013.226	1.957.006.497
b) <b>Dài hạn</b>	<b>31.127.060.806</b>	<b>34.320.398.441</b>
Tiền thuê đất (*)	30.339.728.742	33.099.554.694
Chi phí sửa chữa	782.529.032	1.187.222.535
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.803.032	33.621.212
<b>Cộng</b>	<b>32.621.969.339</b>	<b>37.269.583.823</b>

(\*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 12 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 29.739.248.295 VND; Tiền thuê đất tại số 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn phân bổ là 472.238.415 VND và Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 128.242.032 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	135.873.037.084	74.193.679.310	7.192.708.803	2.179.699.876	219.439.125.073
Số tăng trong năm	2.130.811.527	625.836.490	-	-	2.756.648.017
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>138.003.848.611</b>	<b>74.819.515.804</b>	<b>7.192.708.803</b>	<b>2.179.699.872</b>	<b>222.195.773.090</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	17.431.944.128	27.110.110.672	4.407.365.975	1.626.912.657	50.576.333.432
Khấu hao trong năm	5.156.227.620	7.034.876.165	456.876.772	248.978.316	12.896.958.873
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.588.171.748</b>	<b>34.144.986.837</b>	<b>4.864.242.747</b>	<b>1.875.890.973</b>	<b>63.473.292.305</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	118.441.092.956	47.083.568.642	2.785.342.828	552.787.215	168.862.791.641
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>115.415.676.863</b>	<b>40.674.528.967</b>	<b>2.328.466.056</b>	<b>303.808.899</b>	<b>158.722.480.785</b>

30/09/2018

01/10/2017

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

139.797.677.102

148.447.379.138

10.311.551.473

9.016.769.695

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.569.516.469</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>47.241.844.411</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.831.169.797	1.114.544.878	6.931.714.675
Khấu hao trong năm	4.243.623.420	584.040.984	4.827.664.404
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.080.793.217</b>	<b>1.698.585.862</b>	<b>11.779.379.079</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	36.732.346.672	3.557.783.064	40.290.129.736
Tại ngày cuối năm	32.486.723.252	2.973.742.080	35.460.465.332

*Ghi chú: Công ty thuê tài chính của Công ty TNHH Chu thuê tài chính quốc tế Việt Nam, thời hạn thuê từ 36 đến 60 tháng*

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>112.743.912.250</b>	<b>283.100.000</b>	<b>113.027.012.250</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.084.534.746	153.470.229	3.238.004.975
Khấu hao trong năm	1.220.218.560	35.387.496	1.255.606.056
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.304.753.306</b>	<b>188.857.725</b>	<b>4.493.611.031</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	109.659.377.504	129.629.771	109.789.007.275
Tại ngày cuối năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219

30/09/2018

01/10/2017

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để  
thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

106.570.202.044

107.190.420.604

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.014.091	1.878.014.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Lai Vung Đồng Tháp	-	1.808.786.982
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	7.097.996.878	170.036.364
Dự án Công trình HHA OFFICE	8.079.631.490	1.291.615.056
Dự án Công trình nhà máy Nhà Mãn	1.848.750.001	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	406.620.818	475.777.018
<b>Cộng</b>	<b>14.311.043.278</b>	<b>5.623.744.511</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

a) Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Trần Hân	3.560.997.500	3.560.997.500	10.736.708.547	10.736.708.547
Công ty TNHH Hùng Cường	19.030.316.000	19.030.316.000	20.660.754.400	20.660.754.400
Phải trả người bán ngắn hạn khác	101.043.706.912	105.043.706.912	79.418.898.118	79.418.898.118
<b>Cộng</b>	<b>127.635.020.412</b>	<b>127.635.020.412</b>	<b>110.816.361.065</b>	<b>110.816.361.065</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	77.753.095	5.527.500

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/10/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng	-	2.016.972.794	1.200.000.000	816.972.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.753.636.431	5.691.304.987	747.136.750	9.697.804.668
Thuế thu nhập cá nhân	56.533.387	787.988.050	505.538.456	338.982.981
Thuế đất đai	2.307.600	43.820.400	41.922.000	4.206.000
Tiền thuế đất	54.706.320	1.992.947.130	251.809.686	1.795.843.764
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.867.183.738</b>	<b>10.541.033.361</b>	<b>2.754.406.892</b>	<b>12.653.810.207</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	5.808.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.808.000.000</b>	<b>-</b>

**15. Phải trả khác**

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>7.232.349.490</b>	<b>15.698.495.341</b>
- Khu phi công đoàn, BIHXH, BHYT, BHTN	3.987.571.374	1.537.282.136
- Chi tức phải trả cho các cổ đông	118.858.000	101.550.200
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SII Plaza	-	4.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	-	8.026.775.000
- Phải trả khác	3.125.919.216	2.232.848.005
b) <b>Dài hạn</b>	<b>30.854.775.000</b>	<b>21.900.000.000</b>
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SII Plaza	4.000.000.000	-
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.954.775.000	-
- Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (**)	18.900.000.000	21.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.087.124.490</b>	<b>37.798.495.341</b>

(\*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/09/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

(\*\*) Công ty mượn của Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu theo các hợp đồng mượn tiền và phụ lục hợp đồng số 02-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

**e) Phải trả khác là các bên liên quan**

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
+ Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	4.000.000.000	4.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>368.993.185.950</b>	<b>368.993.185.950</b>	<b>855.570.897.825</b>	<b>789.098.852.207</b>	<b>302.521.140.296</b>	<b>302.521.140.296</b>
- Vay ngắn hạn (*)	339.622.413.126	339.622.413.126	826.752.746.164	760.941.504.510	273.811.171.472	273.811.171.472
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	-	-	36.971.213.690	108.715.125.574	71.743.911.884	71.743.911.884
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	104.445.574.000	104.445.574.000	251.078.046.632	245.956.449.439	99.323.976.807	99.323.976.807
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	36.663.443.290	36.663.443.290	161.598.935.799	187.869.319.290	62.933.826.781	62.933.826.781
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	38.227.112.000	38.227.112.000	91.028.064.543	85.710.408.543	32.909.456.000	32.909.456.000
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	149.936.283.836	149.936.283.836	275.726.485.500	125.790.201.664	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	29.370.772.824	29.370.772.824	28.818.151.697	28.157.347.697	28.709.968.824	28.709.968.824
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.004	5.028.800.004	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000	9.470.040.000	9.470.040.000	9.470.040.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	9.438.404.820	9.438.404.820	8.885.783.697	8.885.783.697	9.438.404.820	9.438.404.820

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND					
	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>h) Dài hạn (**)</b>	<b>112.191.187.890</b>	<b>112.191.187.890</b>	<b>6.400.000.000</b>	<b>29.119.589.697</b>	<b>134.910.777.587</b>	<b>134.910.777.587</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	33.310.999.996	33.310.999.996	-	5.028.800.000	38.339.799.996	38.339.799.996
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	58.494.248.000	58.494.248.000	6.400.000.000	10.432.282.000	62.526.530.000	62.526.530.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	7.556.825.000	7.556.825.000	-	4.772.724.000	12.329.549.000	12.329.549.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	12.829.114.894	12.829.114.894	-	8.885.783.697	21.714.898.591	21.714.898.591
<b>Cộng</b>	<b>481.184.373.840</b>	<b>481.184.373.840</b>	<b>861.970.897.861</b>	<b>818.218.441.904</b>	<b>437.431.917.883</b>	<b>437.431.917.883</b>

- c) **Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**  
Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1623100028	12 tháng		93.457.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	12 tháng	470.200,00	10.988.574.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng		19.000.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng	755.817,00	17.663.443.290	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-201800238	6 tháng		6.500.000.000	Thế chấp
	1606-LAV-201800238	6 tháng	1.357.600,00	31.727.112.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2017/1777831/HĐTĐ	6 tháng		149.936.283.836	Thế chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2018-00033-000	6 tháng		10.350.000.000	Tin chấp
<b>Cộng</b>				<b>339.622.413.126</b>	

(\*\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:  
+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	17.866.490.000	21.066.530.000	Thế chấp
	LD1623100028	120 tháng	4.530.000.000	31.710.000.000	36.240.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	60 tháng	1.740.000.000	3.480.000.000	5.220.000.000	Thế chấp
	LD1735300522	120 tháng	50.000.000	412.500.000	462.500.000	Thế chấp
	LD1735400307	120 tháng	340.012.000	2.804.979.000	3.144.991.000	Thế chấp
	LD1823400680	112 tháng	107.148.000	883.923.000	991.071.000	Thế chấp
	LD1826400264	120 tháng	163.644.000	1.336.356.000	1.500.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	328.800.000	411.000.000	739.800.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.004	32.899.999.996	37.600.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.895.170817	44 tháng	4.772.724.000	7.556.825.000	12.329.549.000	Thế chấp
<b>Cộng</b>			<b>19.932.368.004</b>	<b>99.362.072.996</b>	<b>119.294.441.000</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00063-001	60 tháng	700.771.764	350.385.849	1.051.157.613
2015-00136-001	60 tháng	2.042.989.428	1.361.992.931	3.404.982.359
2015-00171-001	48 tháng	890.392.575	-	890.392.575
2015-00171-002	48 tháng	63.190.141	-	63.190.141
2015-00178-001	48 tháng	1.143.793.388	190.632.166	1.334.425.554
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.976	1.673.154.198	2.729.883.174
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	8.880.587.278	12.014.912.206
2017-00108-001	36 tháng	406.213.620	372.362.472	778.576.092
<b>Cộng</b>		<b>9.438.404.820</b>	<b>12.829.114.894</b>	<b>22.267.519.714</b>

17. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	104.553.710.000	29.153.369.960	(10.100.000)	-	19.896.810.023	153.593.789.983
Tăng vốn trong năm	83.252.260.000	22.907.738.000	-	-	(6.270.950.000)	99.889.048.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	76.981.310.000	22.907.738.000	-	-	-	99.889.048.000
Chia cổ tức bằng CP	6.270.950.000	-	-	-	(6.270.950.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.838.149.561	20.838.149.561
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(967.737.250)	(967.737.250)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.935.474.500	(1.935.474.500)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(6.272.616.600)	(6.272.616.600)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.548.379.600)	(1.548.379.600)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>187.805.970.000</b>	<b>52.061.107.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>1.935.474.500</b>	<b>23.739.801.634</b>	<b>265.532.254.094</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.739.801.634	265.532.254.094
Tăng vốn trong năm	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	-
Lãi trong năm nay					24.479.915.583	24.479.915.583
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(1.041.907.478)	(1.041.907.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển				2.083.814.956	(2.083.814.956)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	(13.145.710.900)
Giảm khác					(625.144.487)	(625.144.487)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>46.428.827.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>4.019.289.456</b>	<b>25.690.859.396</b>	<b>275.199.406.812</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/09/2018 VND	%	01/10/2017 VND	%
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	64.913.060.000	32,61	61.238.740.000	32,61
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.897.390.000	9,99	18.771.130.000	9,99
Vốn góp của các đối tượng khác	114.260.080.000	57,40	107.796.100.000	57,40
<b>Cộng</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>100,00</b>	<b>187.805.970.000</b>	<b>100,00</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	187.805.970.000	104.953.210.000
Vốn góp tăng trong năm	11.264.560.000	83.252.260.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Cổ tức đã chia	18.777.950.900	12.543.566.600
d) Cổ phiếu	30/09/2018	01/10/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.907.053	18.780.597
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu phổ thông	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu phổ thông	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)</i>		
18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10/09/2018	01/10/2017
Ngoại tệ các loại		
+ USD	204.183,50	111.355,56
+ EUR	216,71	277,63
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>		
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
a) Doanh thu	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	968.593.449.481	865.333.233.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.622.886.533	44.783.208.807
<b>Cộng</b>	<b>1.033.216.336.014</b>	<b>910.116.441.989</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan Công ty CP Phát triển Hùng Hào	2.040.038.675	20.547.381.284

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	55.453.686	51.871.492
Hàng bán bị trả lại	-	924.399.111
Giảm giá hàng bán	319.088.608	9.791.100
<b>Cộng</b>	<b>374.542.294</b>	<b>988.063.703</b>
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	939.470.933.869	828.267.485.995
<b>Cộng</b>	<b>939.470.933.869</b>	<b>828.267.485.995</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.153.187.996	903.336.068
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	10.500.000.000	10.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	644.954.944	1.107.181.868
Cổ tức được chia	38.262.800	1.629.440.000
<b>Cộng</b>	<b>12.336.405.740</b>	<b>13.639.957.936</b>
5. Chi phí tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.081.229.757	35.645.704.516
Tổ chênh lệch tỷ giá	2.365.922.988	3.223.875.930
<b>Cộng</b>	<b>39.447.152.745</b>	<b>38.869.580.446</b>



**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>16.745.023.104</b>	<b>19.429.269.881</b>
Chi phí nhân viên	5.091.807.189	5.314.332.854
Chi phí hoa hồng	526.011.236	1.061.515.117
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	8.811.176.737	9.322.221.919
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.316.027.942	3.737.199.991
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.832.424.554</b>	<b>14.487.160.909</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.189.075.526	6.941.259.623
Chi phí khấu hao	254.846.528	681.928.037
Các khoản chi phí quản lý khác	7.388.502.500	6.863.473.249

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi từ đánh giá tài sản góp vốn	-	5.399.052.727
Thu nhập khác	592.786.635	249.816.910
<b>Cộng</b>	<b>592.786.635</b>	<b>5.648.869.637</b>

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí trả nợ vay trước hạn	-	630.519.444
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	6.225.244	302.729.214
Chi phí khác	98.006.009	839.173.657
<b>Cộng</b>	<b>104.231.253</b>	<b>1.772.422.317</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 27/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây.

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.171.220.570	25.581.286.311
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	687.581.825	1.274.875.856
- Các khoản điều chỉnh tăng	880.028.963	2.504.315.856
- Các khoản điều chỉnh giảm	192.447.138	1.629.440.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	30.858.802.395	26.860.162.167
Trong đó:		
- Lợi nhuận tính thuế 11%	9.609.105.856	12.497.913.678
- Lợi nhuận tính thuế 20%	21.249.692.539	14.362.248.489
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.691.304.987</b>	<b>4.747.176.750</b>

**10. Lợi cư bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.479.915.583	20.838.149.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.447.991.558)	(1.041.907.478)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	2.447.991.558	1.041.907.478
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.031.924.025	19.796.242.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.884.517	11.418.908
<b>Lợi cư bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.167</b>	<b>1.734</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31/01/2018, Quy chế thưởng, phúc lợi làm việc theo tỷ lệ 1% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thu lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	797.223.853.076	665.519.960.746
Chi phí nhân công	91.954.936.646	89.355.625.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.980.229.333	18.251.713.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.099.191.246	42.283.697.218
Chi phí khác bằng tiền	10.386.314.592	13.785.812.354
<b>Cộng</b>	<b>931.144.424.893</b>	<b>829.196.809.203</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thụ nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ lợi khác	2.029.000.333	4.528.512.031
- Thưởng	443.863.600	959.160.332
- Lương	1.581.136.733	3.569.351.699

**2. Báo cáo hệ phụ**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu

Chỉ tiêu doanh thu (thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ) theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017 VND
Xuất khẩu	351.287.547.124	380.492.227.112
Trong nước	681.554.246.596	528.536.151.174
<b>Cộng</b>	<b>1.032.841.793.720</b>	<b>909.028.378.286</b>

*Báo cáo hệ phụ theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin kèm với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khác tương đương, dẫn đến tổn thất về tài chính.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện lại ngay lập tức báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không lường xúng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>499.872.984.442</b>	<b>143.045.962.926</b>	<b>642.918.947.368</b>
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	127.635.020.412	-	127.635.020.412
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	30.854.775.000	34.099.553.116
<b>Số đầu năm</b>	<b>442.947.863.065</b>	<b>156.810.777.587</b>	<b>599.758.640.652</b>
Vay và nợ thuê tài chính	302.521.140.296	134.910.777.587	437.431.917.883
Phải trả cho người bán	110.816.361.065	-	110.816.361.065
Chi phí phải trả	15.249.148.499	-	15.249.148.499
Các khoản phải trả khác	14.361.213.205	21.900.000.000	36.261.213.205

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017 đã được kiểm toán.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập báo

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the following text: 'M.S.D.N.0302047389.C.T.C.P' around the top edge, 'CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU' in the center, and 'Q. TÂN PHÚ - T. P. HỒ CHÍ MINH' around the bottom edge. The signature is written over the stamp and extends to the right.

**TRẦN VĂN HẬU**

